

NHẤT THIẾT KINH ÂM NGHĨA

Phiên dịch kinh Sa-môn Tuệ Lâm soạn.

QUYỂN 46

- Âm Đại Trí Độ Luận một trăm quyển - Quyển thứ chín không có âm.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN QUYỂN 1

Du thành. Ngược lại âm du câu Quảng Nhã cho rằng: Chữ du là vượt qua, leo qua, nhảy qua vậy.

Mại nai. Ngược lại âm mạc hậu. Tam Thương giải thích rằng: Mại nghĩa là trao đổi; nghĩa là giao dịch, mua (T610) bán các vật gọi là mại vậy.

Huyễn thuật. Ngược lại âm hậu biện. Theo văn nói chữ huyền có nghĩa là cái tướng không thật đối trá, mê hoặc; Theo chữ huyền có nghĩa là tướng lừa dối làm hoa mắt lấy làm loạn mắt người, chữ thuật nghĩa là pháp thuật vậy.

Đường lao. Giải thích văn chữ cổ; hai chữ tượng hình dịch cũng đồng. Ngược lại âm đồ đương. Theo người làm việc trong nhà gọi là lao lực quá sức vậy.

Anh cai. Ngược lại âm ư doanh chữ anh cũng giống như chữ y nghệ nghĩa là đứa trẻ sơ sinh. Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng: Đứa bé gái mới sanh ra gọi là anh. Đứa bé trai mới sanh ra gọi là nhi. Giải thích tên gọi: Trước ngực cũng gọi là anh đầu, nghĩa là múm vú. Chữ anh ở trước nghĩa là múm vú trước để lấy sữa nuôi con vậy. Cho nên gọi là anh nhi. Chữ cai là văn cổ cùng với chữ hài đồng nghĩa. Ngược lại âm hồ lai. Theo văn nói chữ cai nghĩa là đứa bé trai đang cười; cũng là đứa bé còn non nớt. Trong sách Lễ Ký cho rằng: Đứa bé sanh ra đời ba tháng, người cha cầm tay của đứa bé non nớt mà đặt tên là vậy. Trong văn luận ngữ cho rằng: Cũng có từ bộ Nữ viết thành chữ hài đây là chữ

cổ. Ngược lại âm Lâm cổ tài. Chữ hài có nghĩa là lớn số. Chữ hài này chẳng phải nghĩa đây dùng vậy. Chữ y âm y ngược lại âm ô hề. Chữ nghê ngược lại âm ngũ hề.

Như bộ. Ngược lại âm bồ lộ. Chữ bộ nghĩa ngậm bú. Cùng với Hứa Thúc Trọng gọi là nhai trong miệng mà ăn. Trong luận văn ngữ lại viết bộ cùng với chữ bộ này cũng đồng. Ngược lại âm bồ hồ. Tam Thương giải thích cho rằng: là ăn chiều; nghĩa là ăn giờ thân. Chữ bộ này chẳng phải nghĩa đây dùng vậy.

Lam tỳ. Ngược lại âm lực hàm. Hoặc gọi là lưu di ni, Trung Hoa dịch tên là giải thoát xứ, cũng tên là diệt cũng tên là đoạn.

Hy hý. Lại viết là hy cũng đồng. Ngược lại âm hư chi. Theo văn nói chữ hy có nghĩa là vui. Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng: Hy hý có nghĩa là cười đùa vui vẻ. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Chữ ký nghĩa là hài hước, làm trò, pha trò cho vui. Quách Phác gọi là làm hài hước, cười đùa cũng gọi là pha trò cho vui vậy.

Phục ngự. Ngược lại âm phò chúc. Trong văn nói cho rằng: Phục nghĩa là ăn uống. Nhĩ Nhã cho rằng: Phục cũng có nghĩa là làm cho đồng đều nhau. Quách Phác cho rằng: Phục ngự có nghĩa là khiến cho ngay ngắn, chỉnh tề. Chữ ngự này là chữ cổ. Cũng viết chữ ngự này nghĩa đồng nhau. Ngược lại âm ngự cứ. Quảng Nhã cho rằng: Chữ ngự đi vào, tiến đến; cũng là người hầu, người đánh xe cho vua đi. Thái Ung chú giải trong đoạn văn ngắn rằng: Phục ngự cũng có nghĩa là y phục mặc thêm vào người, cũng là ăn uống thêm vào miệng; cung phi, thê tiếp tiếp vào phòng ngủ của vua đều gọi là ngự. Ngự cũng là chỗ thân ái cũng gọi là niên. Giải thích tên gọi là ngự, cũng có nghĩa là tôn kính. Trong triều đình vua, các vị tướng tôn kính các vị Tiên vương, lời nói các vị vua cũng gọi là ngự. Cũng gọi là chức quan thấp trong triều, cũng gọi là dây cương điều khiển con ngựa. Con trâu nghĩa là như vậy.

Đường đột. Thế chữ cũng viết đường đột này hai chữ tượng hình cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm đồ lãng, âm dưới là đồ cốt. Quảng Nhã cho rằng: đường đột là xúc phạm, mạo phạm, xung đột xông vào tấn công. Chữ trong sách chữ đột cũng có nghĩa là lau chùi vậy.

Xúc tháp. Ngược lại là âm thiên lục. âm dưới là đồ cái. Nghĩa là lấy cái chân đà ngược lại gọi là xúc. Trong văn nói giải thích chữ tháp nghĩa là giẫm đạp lên. Quảng Nhã cho rằng: Chữ tháp cũng nghĩa là bước đi, đạp lên vậy.

Thích sanh. Đây là văn nói. Ngược lại là âm thi xích. Quảng Nhã cho rằng: Là chỗ tôn kính thờ phụng; cũng nghĩa là thân cận gần gũi,

thân thích, cũng nghĩa là thân cận gần gũi thân thích, cũng có nghĩa là bắt đầu vậy.

Bất chương. Lại viết chữ chương này cũng đồng nghĩa. Ngược lại là âm chước dương. Quảng Nhã cho rằng: Chương nghĩa là sáng rõ, cũng có nghĩa là văn chương sáng sủa, rõ ràng mạch lạc; cũng có nghĩa là bề ngoài, mặt ngoài.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN QUYỂN 2

Bất ý. Ngược lại âm ư nghị. Quảng Nhã giải thích rằng: Chữ ý là nguyên nhân, nghĩa là nhân vật mà mình có thể dựa vào. Lại là âm cự nghị. Nghĩa là dựa vào đứng thẳng; ngay lập tức.

Vô cửu. Ngược lại âm cự cửu. Trong Mao Thi Truyện giải thích rằng: Hoặc là lo buồn sợ sệt tội lỗi gọi là cửu. Chữ cửu là tội lỗi. Quảng Nhã giải thích rằng: Cửu là tội ác. Theo văn nói chữ cửu là tai ách thể chữ viết từ bộ nhân người đến bộ các. Nghĩa là nhiều người làm trái lại tức là thành tội ác vậy. Tức là hai người đồng tâm hiệp lực thì có lợi. Mà hai người chống trái lại thì sẽ trở thành tai họa. Văn cổ cho rằng: Là cái đầm nước, là lâu dài, kéo dài. Chữ cao là đầm nước, nghĩa là đầm nước chứa lâu dài.

Nhữ tạo. Lại viết chữ tạm cũng đồng. Ngược lại là âm tự lao. Trong sách sử ký cho rằng: Có hơn mười điều phải tuân theo; như là thật thà, mộc mạc gọi là tạo. Cũng có mười lực người đi trước như trưởng bối. Trong kinh thì cho rằng: Tào là một điều tốt lành. Trong Tào Truyện cho rằng: Tào là một bọn, nhóm, một lũ vậy.

Sư bảo. Văn cổ lại viết ba chữ bảo tượng hình cũng đồng nghĩa. Ngược lại là âm bổ đạo. Trong sách Lễ Ký cho rằng: Xuất ra ngoài thì có bảo, nhập vào thì có sư. Tóm lại sư bảo nghĩa an ổn vậy. Nghĩa là lấy chữ đạo đức, khuôn phép mà làm an ổn cho người vậy. Chữ bảo nghĩa là giữ gìn. Trong văn nói có nghĩa là bảo dưỡng nghĩa nuôi dưỡng bảo hộ.

Quý danh. Ngược lại là âm câu hủy. Chữ quý nghĩa là biến đổi đối trá. Khổ ngặt, bức bách đều gọi là quý, cũng có nghĩa là tạm thời, cũng có nghĩa là mặt trời sắp ngã về phía Tây.

Ngẫu đắc. Ngược lại âm ngô cầu. Nhĩ Nhã cho rằng: Tình cờ gặp

nhau Quách Phác cho rằng: Vợ chồng cùng nhau xây dựng.

Kích điện. Ngược lại âm lưu thế. Chữ kích điện nghĩa điện âm dương giao nhau bắn ra các tia lửa. Giải thích tên gọi là điện chớp, nghĩa là tia chớp của điện âm dương gặp nhau; cũng nói là bỗng thấy rồi diệt mất. Trong sách Thập Châu Ký nói rằng: Hai mắt của con mãnh thú giống như là ánh lửa của tia điện sáng. Nay chúng ta gọi là điện, cũng là sấm chớp. Âm đàn bồ. Ngược lại là âm đại niệm. Tam phụ gọi tên là loại điện.

Bạo vũ. Ngược lại là âm bồ giác Bạch Hổ Thông gọi chữ bạo có nghĩa là mưa đá. Lại nói là hợp với khí âm chuyên tinh tích tụ ngưng đọng là hợp thành nên gọi là mưa đá. Trịnh Huyền chú giải trong sách lễ ký rằng: Dương là âm, khởi đầu là khí ngưng đọng lại mà trở thành mưa. Giải thích tên gọi là bào. Ngược lại âm bào nghĩa là chạy. Trong văn tự, chữ Hán chỗ phân tích trong các vật. Cũng giống như con người có hai chân, xúc bào nghĩa đá ngược lại và chạy âm bào ngược lại là âm phụ học.

Sâu dọa. Ngược lại là âm sĩ cứu. Trong sách Quốc giải thích chữ sâu nghĩa là chạy nhanh, phóng nhanh kịp cứu lúc nguy hiểm. Giả Quy cho rằng: Sâu nghĩa là nhanh vậy.

Hào đào. Ngược lại âm đồ lao. Theo hai chữ hào đào có nghĩa là khóc rống lên, khóc thét lên. Trong kinh dịch giải thích rằng: Trước khóc rống sau thì cười là vậy.

Phẫu liệt. Ngược lại là âm kiên hậu. Theo chữ phẫu nghĩa là mổ xẻ phân ra phá ra; ở trong phân cắt ra gọi là phẫu. Thương Hiệt cho rằng: Mổ xẻ nặn ra. Âm tố ngược lại là âm sửu bá âm liệt cũng có nghĩa cắt ra phân ra vậy.

Tuệ tinh. Ngược lại là âm tô tô, tù nhuế hai âm. Chữ tinh nghĩa là ngôi sao; cũng nói là tinh quang nghĩa là ánh sao giống như là cây chổi vậy.

Áo y. Ngược lại là âm ất lục âm dưới là ư kỳ. Tỳ Thương cho rằng: Chữ áo y nghĩa là tiếng than thở, bên trong lòng rất đau buồn. Nghĩa là tiếng khóc nhớ nghĩ đến việc đau khổ trong lòng. Trong văn luận lại viết úc úc hai chữ tượng hình này là chẳng phải thể vậy.

Khê cốc. Ngược lại là âm khổ hê cổ mộc. Trong văn Nhĩ Nhã giải thích rằng: Nước chảy trong khe gọi là Khê nghĩa khe suối. Lý tuần gọi là nước thoát ra ở trong núi mà vào ở nơi sông gọi là Khê. Trong văn nói gọi là suối thông ra sông gọi là cốc nghĩa là dòng nước chảy từ khe núi.

Kiện trùy. Ngược lại âm đã mộc. Đây là tiếng Phạm chữ kiện trùy

đây không đúng nên dịch theo chữ xưa dịch theo bốn kinh viết rất nhiều. Kiện-trì cũng là tiếng Phạm, nói chuyển âm cũng là sai vậy.

Tuyển đắc. Ngược lại là âm tiên xung tiên quyên hai âm. Theo chữ tuyển có nghĩa là chọn lựa.

Tứ điệp. Ngược lại âm là âm đồ hiệp Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng: Chữ điệp có nghĩa là chồng chất nhiều lớp, trùng lặp nhiều lần, cũng có nghĩa là tích chứa. Trong văn luận ngữ lại viết điệp này âm điệp nghĩa cũng đồng với chữ điệp trên. Theo văn nói có nghĩa là may y phục mới. Ở phía Nam có con sông điệp huyền đây là các loại chữ tượng hình. Tùy theo cách viết vậy.

Hỗn trợc. Ngược lại là âm hậu côn hậu cốn hai âm. Chữ hỗn nghĩa là lộn xộn không có trật tự, nghĩa là hỗn loạn. Theo văn nói có nghĩa là vẩn đục dơ bẩn. Chữ viết từ bộ thủy cũng có nghĩa là tiếng nước chảy róc rách.

Ngũ hạp. Lại viết chữ hạp này. Trong Văn Tam Thương lại viết tự. Trong Mao Thi Truyện lại viết chữ tự này cũng đồng nghĩa. Ngược lại là âm sữ chi. Ngược lại âm vân tập cũng là âm thức chi. Trong văn Nhĩ Nhã cho rằng: Con trâu dùng hai hàm răng trên dưới mà cắn vậy. Quách Phác cho rằng: Là ăn vậy, lại cũng có nghĩa là nhai nhiều lần rồi nuốt vậy.

Khuyết nhiên. Ngược lại là âm khẩu quách. Quảng Nhã cho rằng: Chữ khuyết nghĩa là rộng bao là mệnh mông như bầu trời. Tiếng địa phương gọi là mở ra từ cái nhỏ mở ra cái lớn vậy.

Xao môn lại viết chữ Thương Hiệt biên soạn lại viết chữ xao cũng đồng nghĩa ngược lại là âm khổ giao. Âm dưới là kích nghĩa là gõ đánh. Theo văn nói có nghĩa là thanh ngang ngạch cửa; cũng có nghĩa là gõ, đánh đầu.

Côn lạc. Ngược lại là âm cổ hồn. Đây dịch là cái rương chứa đồ đạc dụng cụ.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN QUYỂN 3

Xà thấu. Lại viết chữ thấu cũng đồng. Ngược lại là âm sơn giác. Văn thông dụng giải thích rằng: Ngậm miệng hít vào gọi là thấu. Tam Thương cho rằng: Thấu có nghĩa là hút, mút. Giải thích tên gọi là Gấp

gáp cũng là dùng sức nhanh chóng đẩy tới. Trong kinh văn viết chữ cũng là văn thường hay dùng vậy.

Bệ xỉ. Ngược lại âm trên là bệ hề. Âm dưới là xương thị. Tiếng địa phương vùng Thiểm Tây gọi là đi bộ thì phải dựa vào cái chân. Chữ bệ có nghĩa là cái trống nhỏ; cũng có nghĩa rất thanh dôi dào nhân nhã, rộng rãi.

Già bị. Lại viết chữ hai chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm bổ giới. Trong kinh A Gian Thế Vương nói ở thế gian này phải nương nhờ sự giải thoát, vì con người rất mệt mỏi, hèn mọn, xấu xa. Trong văn thông dụng chữ bị nghĩa là rất mệt mỏi cũng gọi là bị nghĩa cũng đồng vậy.

Xá nam. Chữ chánh thể viết là nam cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm nữ hàm. Dịch là người. Dựa vào chữ Tỳ Thương gọi là tiếng nói lẩm bẩm trong miệng.

Hắc yểm. Ngược lại âm ư điểm. Chữ hắc yểm có nghĩa là nốt ruồi đen trên mặt. Theo văn nói thì là nốt ruồi đen chính giữa mặt. Theo văn luận ngữ thì viết chữ âm. Ngược lại là âm ư cảm ư trảm. Theo văn nói có nghĩa là đen thâm; đen sậm, chữ ảm này là chẳng phải chữ nghĩa trong văn vậy.

Tuần hoàn. Ngược lại là âm tự quân. Nghĩa là qua lại một vòng. Trong văn Nhĩ Nhã cho rằng: Tuân theo lệnh tuần tự đi đến một vòng. Quách Phác gọi là đi tuần hành; tuần tự đi theo cũng viết chữ tuần cũng là một biến một vòng vậy.

Phiên tức. Ngược lại là âm bổ biểu. Trong sách Thượng Thư cho rằng: Các loại cỏ mọc xanh tốt, um tùm. Khổng Tử chú giải trong sách an quốc gọi là cây cỏ tăng trưởng nảy nở tươi tốt; nghĩa là tăng trưởng thêm nhiều. Trong sách Chu Lễ cho rằng: Lấy cỏ tươi tốt để nuôi chim thú. Trịnh Huyền cho rằng: Sinh nở không ngừng, con đàn cháu đống. Giải thích tên gọi là chữ tức cũng là bế tắc, lấp bít; cũng nói là các vật tăng trưởng không ngừng. Sinh sôi nảy nở lấp đầy kín cả. Nay ở Trung Quốc gọi chữ phiên tức nghĩa là sinh con đẻ cháu không ngừng. Âm phiên ngược lại là âm vong vạn. Trong sách Chu Thành nan tự giải thích rằng: Chữ phiên tức là loài chim đẻ trứng; đồng thời cũng gọi là một lần đẻ trứng rất nhiều cũng viết chữ này.

Kỳ loát. Lại viết chữ loát này cũng đồng nghĩa. Ngược lại là âm sở liệt. Theo văn nói chữ loát có nghĩa là lau chùi. Quảng Nhã cho rằng: Loát cũng là lau chùi cho sạch bụi. Trong văn Nhĩ Nhã cũng gọi là lau chùi sạch sẽ. Quách Phác gọi là dùng chổi quét chà cho nên sạch sẽ

thanh khiết vậy.

Khánh kiệt. Văn cổ cũng viết chữ kỳ ủy đồng nghĩa. Ngược lại là âm khả định. Theo văn nói có nghĩa là đồ dùng ở trong đã trống rỗng, Nhĩ Nhã cho rằng: Khánh tận ? nghĩa là hết sạch. Tôn Đàm gọi là khánh kiệt cũng là hết sạch.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN QUYỂN 4

Bô thời. Ngược lại là âm bổ hồ. Trong sách Hoài Nam Tử cho rằng: Một ngày lo âu buồn bã đã đi qua, đó là lúc quá trưa, nghĩa là phải thêm vào giờ thân.

Khấu khai. Ngược lại âm khứ lậu. Quảng Nhã cho rằng: Khấu nghĩa là đưa lên, nâng lên. Trong sách luận ngữ cho rằng: Lấy cây gậy mà đánh trên cẳng của Nguyên Như᳚ng. Trong sách Khổng An Quốc gọi là đánh, gõ vậy.

Thực thọ. Lại viết chữ thụ cũng đồng. Ngược lại âm thời chức. Trong sách Chu Lễ cho rằng: Trồng cây thực vật thích nghi buổi sớm. Trịnh Huyền cho rằng: Các loại cây do gốc rễ mà sanh trưởng. Lại cũng có nghĩa là trồng cây. Tiếng địa phương gọi là dựng đứng cây lên trồng xuống đất.

Do dự. Ngược lại âm qua hựu qua chu, hai âm. Theo văn nói, ở huyện Lũng Tây thuộc tỉnh Cam Túc: Cho rằng con chó con gọi là do. Giống như tính con người có nhiều dự tính trước; cho nên phạm việc gì không quyết định đều gọi là do dự. Lại nữa, trong sách Nhĩ Nhã cho rằng: Giống như con hươu hiền lành leo lên cây. Quách Phác cho rằng: Cây mạnh khỏe tăng trưởng từ từ. Mỗ Thị cho rằng: Giống như chim ở trên cây.

Lao nhiều. Ngược lại âm như triệu. Thao văn nói chữ nhiều có nghĩa là. Gây rối loạn, phiền não. Quảng Nhã cho rằng: Quấy phá, quấy rầy vậy.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN QUYỂN 5

Trữ đại. Ngược lại là âm trừ lữ, thời nữ hai âm. Theo văn nói giải thích chữ trữ nghĩa là rót vào nơi kia cho đầy, cũng có nghĩa là chuốt rượu. Quảng Nhã cho rằng: trừ bỏ đi, văn thông dụng có nghĩa mức nước đổ ra nghĩa trừ bỏ đi.

Bí lạc. Ngược lại là âm bi quý. Chữ trong sách giải thích rằng chữ bí nghĩa là giầy cương buộc ngựa, chế ngự chiếc xe ngựa phải có giầy cương. Giải thích tên gọi là bí cũng có nghĩa là lau chùi, cũng có nghĩa là lôi ra kéo dẫn ra lau nước mắt, cũng có nghĩa là giầy cương dùng để chế ngự con ngựa. Thể chữ viết từ bộ ty đến bộ Xa thanh xa. Nghĩa là dây buộc đầu con ngựa. Cũng có nghĩa là xung đột chinh chiến đẫm máu. Giải thích tên gọi là lạc cũng nghĩa là lạc, nghĩa là sợi dây liên lạc từ đầu dây bên này dẫn đến đầu dây bên kia.

Thuần thực. Ngược lại là âm thời quân. Trong sách Thượng Thư cho rằng: Chính sự duy thuận thực. Trong sách không an quốc gọi là thuần túy. Nghĩa là chuyên tinh thuần nhất. Nhĩ Nhã cho rằng: Thuần là lớn lao. Tiếng địa phương cho rằng: Thuần là tốt, chữ thực ngược lại là âm thời lục. Trong Mao Thi Truyện cho rằng: Thực là đẹp, hiền lành, hoặc viết chữ thực này. Tiếng địa phương cho rằng chữ thực này là chín như nấu chín nhừ.

Cổ nhục. Lại viết chữ cốt cũng đồng nghĩa. Ngược lại là âm công hộ. Theo văn nói nghĩa là xương đùi vạy.

Nội thích lại viết chữ thích này nghĩa cũng đồng. Ngược lại âm thư đích. Quảng Nhã cho rằng: Thích nghĩa là thân cận gần gũi. Trong Mao Thi Truyện cho rằng: Thích nghĩa là thân thích, anh em. Mao Thi Truyện cũng cho rằng: Tương thân, tương ái giúp đỡ lẫn nhau.

Bản xứng. Lại viết hai chữ tượng hình. Ngược lại là âm phổ gian bố gian hai âm. Chữ Lâm bản nghĩa là dẫn ra. Quảng Nhã cho rằng: Chữ bản nghĩa là cứu giúp viện trợ. Giải thích tên gọi là lật ngược lại, nghĩa là nói lật ngược lại.

Ngũ pháo, ngược lại là âm mẫn hiếu. Theo văn nói nghĩa là nốt phỏng lên ở da mặt. Hoài Nam Tử cho rằng: Cái mục nhỏ trên mặt đã chảy nước, cũng là phát sanh ra mục mụn, thường hay nổi trên mặt ở lứa tuổi thanh niên, lại viết chữ này. Trong luận văn lại viết hai chữ tượng hình này chưa thấy chỗ xuất phát chỗ nào.

Nhân siểm. Lại viết chữ tiết giải thích tên lại viết truân cũng

đồng. Ngược lại là âm tử điệp. Theo văn nói có nghĩa là con mắt ở trong lông mi. Theo sách sử ký giải thích. Con mắt vướng chút lông mi nên không thấy; vậy nên con mắt chớp chớp là vậy.

Duy trưởng, văn cổ viết là vi cũng đồng. Ngược lại là âm vu truy chữ lâm ở một bên gọi là duy nghĩa là trương màn ra che lại. Giải thích tên: Chữ duy nghĩa là bao vây. Nghĩa là lấy bộ vi cũng là nghĩa bao vây quanh. Nay đều viết chữ (T611) duy này.

Ốc mạn ngược lại là âm ký giác. Chữ ốc nghĩa là màn che lớn. Trong văn Tiểu Nhĩ Nhã cho rằng: Cái màn che gọi là ốc. Chữ ốc là cái màn để che vậy.

Triệu tiểu. Lại viết chữ triệu này cũng đồng. Ngược lại là âm tha điếu. Chữ triệu nghĩa là dùng dằng không chịu đến. Trong văn Vận Tập gọi chữ Triệu là vượt qua, cũng có nghĩa là treo lơ lửng dùng dằng. Trong văn luận lại viết xước nghĩa là nhảy qua. Ngược lại là âm lai cách lai giác hai âm. Nghĩa là người bị thọt chân đi khập khiễng. Chữ xước chẳng phải ý nghĩa trong luận này.

Cổ nhân. Ngược lại âm công hộ. Nghĩa là ngồi buôn bán. Trong sách Chu Lễ cho rằng: Nhà buôn bán. Trịnh Huyền chú giải trong sách hành nghiệp rằng: Chỗ buôn bán gọi là cổ. Bạch Hổ Thông cho rằng: Chữ cổ nghĩa là nói chắc chắn, cũng là vật chắc chắn bền lâu đợi người dân tới lấy để cầu có lợi cho mình vậy.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN QUYỂN 6

Ha-lâu văn cổ viết chữ lâu cũng đồng. Ngược lại là âm lực hậu dựa theo chữ. Tam Thương giải thích rằng là cái tên cúng tế vào tháng tám. Trong kinh văn lại viết chữ lâu này cũng đồng nghĩa.

Chi-la. Ngược lại là âm chi cổ dựa theo chữ. Mao Thi Truyện giải thích rằng: Chữ Chi nghĩa là hại. Theo văn nói chữ chi có nghĩa là ghét, căm hận không nghe theo vậy.

Khái quán. Ngược lại là âm ca lại. Theo văn nói chữ khái quán nghĩa là rót nước tưới ruộng.

Một vi. Lại viết nốt cũng đồng âm. Ngược lại âm nô cốt. Trong sách luận ngữ cho rằng: Người quân tử muốn chậm rãi về lời nói mà nhanh chóng về việc làm, ý nghĩa bao gồm gọi là nốt nghĩa là chậm

chạp, tư chất không sanh lợi. Theo văn nói chữ nột nghĩa là khó khăn, gian nan vậy.

Oán cừ. Ngược lại âm cự ngư. Trong Mao Thi Truyện giải thích rằng: Vợ chồng bất hòa gọi là thù hận, ghét, thù ghét. Nhĩ Nhã cho rằng: Là mối cừ thù. Lý Tuần cho rằng: cừ thù vì oán hận với nhau vậy.

Bất khái. Văn cổ lại viết chữ khí cũng đồng. Ngược lại âm thái nghi. Chữ Lâm ngược lại là âm công nội, nghĩa là cân lường một đấu là học vậy. Quảng Nhã cho rằng: Chữ khái nghĩa cây cân đong lường vậy.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN QUYỂN 7

Phiếu sắc. Ngược lại âm thất nhiều. Nghĩa là bầu trời cao xa thăm thẳm giống như tấm lụa màu xanh nhạt, pha trộn màu xanh, trắng trông xa xa rất trang nhã. Giải thích tên gọi là phiêu cũng giống như chữ phiêu này; nghĩa là màu xanh lơ nhạt trắng nổi nên, xa xa bát ngát, mờ mịch; lại có vải lụa màu xanh bích ngọc, vải lụa khác màu đỏ tím khác nửa màu xanh lơ, các loại màu pha lẫn lộn lại, giống như lời nói bức tranh da trời không có gì đẹp bằng vậy.

Âm ế văn cổ lại viết ế cũng đồng. Ngược lại âm ư kế. Trong Mao Thi Truyện cho rằng: Ngọn gió cuối cùng lại không thông. Trong truyện cho rằng: Trời mát mà gió gọi là Ế. Giải thích tên gọi là Ế nghĩa là yếu ớt; nói rằng có mây che nên ánh sáng mặt trời yếu ớt khiến cho không sáng tỏ.

Ngân xỉ. Ngược lại âm ngư cân. Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng; Chữ xỉ là cây răng gốc, răng thật. Theo văn nói xỉ cũng là cây răng thịt.

Hỏa tảo. Ngược lại âm tử lao. Theo văn nói chữ tao nghĩa là thiêu đốt. Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng: Thiêu đốt gỗ dư vậy.

Thủ môn. Ngược lại âm mạc côn mạc bốn hai âm. Theo Thanh Loại chữ môn có nghĩa là sờ mó; chữ lâm nghĩa là an ủi vỗ về, lấy tay vỗ vỗ vuốt ve. Theo chữ môn cũng có nghĩa là cầm nắm bắt vật vậy.

Đạo tịch. Ngược lại âm đồ đao tự diệc. Quảng Nhã cho rằng: Đạo nghĩa là đi vậy. Chữ trong sách chữ tịch nghĩa là đạp lên. Giải thích tên

gọi là đạo đạo nghĩa là đi trên đường vậy lấy chân đạp lên giống như đi trên đường cái. Chữ tịch tịch cũng là dẫm lên giống như chữ tịch viết từ bộ túc. Trong văn luận lại viết tịch lang là con chó sói. Chữ tịch đây chẳng phải thể nghĩa của văn kinh này vậy.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN
QUYỂN 8

Bá trung nghĩa là anh em. Nhĩ Nhã cho rằng: Bá là lớn. Người trong nhà gọi bá tức vị trưởng trong nhà. Trong Hàn Thi Truyện giải thích chữ trung nghĩa là vị giữa, nói là địa vị ở giữa vậy. Sách Lễ Ký cho rằng: Cón nhỏ tức là đội mũ đến năm mươi tuổi là bá trang. Trong sách Chu Lễ gọi là đạo. Giải thích tên gọi là bá nghĩa cầm nắm, giữ gìn giá phong lễ giáo chính trong gia tộc vậy.

Kế na. Ngược lại âm cư lệ. Người nước Tấn nói cất giữ của báu. Trong Bốn Kinh hoặc là viết Lạc-na ngược lại là âm lực quý. Nay viết từ chữ lạt vậy.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN
QUYỂN 9

Long bàn. Ngược lại là âm bổ hàn. Trong sách Lễ Ký cho rằng: Chữ bàn là chiếm lấy đất. Trịnh Huyền cho rằng: Bàn là uốn khúc, cuộn khúc. Quảng Nhã cho rằng: Con rồng uốn khúc, cuộn khúc lại vậy.

Cuồng quyển văn cổ lại viết cuồng quyển hai chữ tượng hình. Nay lại viết cũng đồng. Ngược lại âm câu diện. Chữ cuồng đó là tiến vào khéo lấy, khéo chọn con đường lành; chữ quyển đó là giữ lấy tiết tháo cái đạo vô vi vậy.

Phan điện. Thương Hiệt biên soạn lại viết chữ phan cũng đồng nghĩa. Ngược lại là âm số vĩnh. Nghĩa là nước vo gạo. Trong văn nói cũng nghĩa là nước vo gạo, nước tinh chất khi nấu cơm đã chín khơi lên nắm dung đục. Âm tích Ngược lại âm tô dịch. Ở Giang Bắc gọi là cam cũng nghĩa là nước vo gạo. Ở Giang Nam gọi là phan điện cũng là nước tinh bột vo gạo. Văn cổ viết chữ điện cũng đồng. Ngược lại

âm đồ kiến. Văn Nhĩ Nhã cho rằng: Chữ điện, nghĩa là cạn tinh bột. Quách Phác gọi là điện tử nghĩa là cạn bã. Ở Giang Đông gọi là cạn đất bụi đất. Trong văn luận lại viết là điện; là chỗ nước cạn. Ở tỉnh Tân Dương. Lại cũng giống như uyên là vực sâu mà lại có chỗ cạn; cũng gọi là điện điện là chẳng phải nghĩa đây dùng. Âm cạn ngược lại là âm ngư cạn. Âm điện điện.

Trường ky. Văn cổ lại viết kỳ cũng đồng. Ngược lại âm ký kỹ, kỳ hỷ hai âm. Theo văn nói chữ kỳ nghĩa là quì lâu nên quy xuống. Giải thích tên gọi là kỳ. Âm kỳ nghĩa là ganh ghét. Thấy chỗ quỳ lâu cung kính nên sanh tâm ghen ghét, tự cảm thấy trong lòng không an.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN QUYỂN 10

Để tức. Ngược lại âm đình kế đô lễ. Trong văn Nhĩ Nhã cho rằng: Nguồn gốc trời ban cho. Theo âm nghĩa gọi là Thiên phú cho nguồn cội là trong thiên hạ vạn vật làm cội gốc, cho nên gọi là Thiên căn. Tôn Đạm gọi là dưới góc đồ bình đẳng ngang nhau, ràng buộc nơi nguồn gốc; cũng giống như cây thì phải có gốc rễ ăn sâu mới lớn lên được vậy.

Khuê tú. Ngược lại là âm khẩu cáo văn Nhĩ Nhã cho rằng: Sao Khuê lâu giáng hạ xuống. Lý Tuần cho rằng: Sao lâu giáng xuống. Bạch Hổ Thông cho rằng: Đó là hai mươi tám ngôi sao. Nhị thập bát tú giáng hạ xuống vậy.

Chủ tú Ngược lại là âm từ di. Người con trai lấy vợ phải chọn sao Chủ; dùng cái miệng sắp xếp việc trong nhà; sao Bích ở phía Đông. Tôn Đạm cho rằng: Lấy vợ sao Chủ khi than thì miệng mở ra. Sắp xếp việc trong nhà sao Bích ở phía Đông, bốn ngôi sao cũng lấy từ cái miệng nhân đây cho rằng: cái tên vậy thôi.

Độc lâu. Văn cổ viết độc lâu hai chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm đồ mộc lực hậu. Nghĩa là xương đầu.

Lam lũ. Văn cổ lại viết lam lại viết chữ lam này cũng đồng. Ngược lại âm lực cam. Chữ lam lũ nghĩa là áo rách rưới. Phàm là người áo bị xấu tệ cũng gọi là lam lũ nghĩa rách rưới. Trong văn luận lại viết lam này, nghĩa là loại cỏ tạp mọc ven đường. Chữ lam này nay chẳng phải nghĩa đây dùng vậy.

Tượng cứu văn cổ lại viết hoàng ky, hai chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại là âm cư hựu. Theo văn nói nghĩa là cái nhà ngựa ở. Giải thích tên gọi là chuồng chim vì tụ hội lại rất đông; cũng là chỗ tụ hội rất nhiều trâu, bò, ngựa. Trong sách Chu Lễ cho rằng: Có đến hai trăm hai mươi bốn con ngựa là một chuồng; trong chuồng ngựa có người đầy tớ coi sóc cho ngựa.

Dật mã. Văn cổ lại viết dật này cũng đồng ngược lại là âm dư toán. Quảng Nhã cho rằng: Dật nghĩa là chạy đi trốn, chạy rất nhanh, chạy trốn ra nước ngoài; chạy thẳng đến.

Trùy áp. Lại viết trùy này cũng đồng. Ngược lại âm đình hồi. Trùy nghĩa là ném xuống. Quảng Nhã gọi là gõ, hái ngắt, chữ áp. Ngược lại là âm ư giáp. Nghĩa là tự mình từ trên dưới đè ép lại. Trong văn nói áp mười lực là hư hoại. Trong văn luận viết nhiều chữ áp cũng là văn thông dụng thường hay dùng. Phàm là vật muốn hư hoại gọi là áp là hư nát thối rửa. Chữ này chẳng phải nghĩa đây dùng. Âm thư ngược lại âm sĩ da.

Khảo lược. Văn cổ viết lược lược hai chữ tượng hình cũng đồng âm. Ngược lại âm lược thượng. Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng: Chữ lược nghĩa tham vấn bàn bạc hỏi thăm. Cũng có nghĩa là người nắm quyền trong tay để trị nước.

Hộ bài. Ngược lại âm bổ giai. Gọi là cái then gài cửa, mở cửa. Giống như cái móc v.v... Lại như mỗi nhà đều có bày trí. Trong kinh Phật có ghi rằng: Sau khi ăn xong, nhìn xem trên bàn sắp xếp thu dọn đi, các vị Tỳ-kheo trong phòng nhà đều phải làm như vậy.

Kiến để. Ngược lại âm trực cơ đô lệ hai âm. Đây dịch là tiếp tục.

Thân thân. Ngược lại âm thư lân. Trong sách Lễ Ký nói rằng: Thân thân là lấy ba làm năm, lấy năm làm chín. Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng: Thân nghĩa là yêu thương, gần gũi, thân cận. Theo văn nói thân nghĩa là đến với nhau. Giải thích tên gọi là thân thích, nương nào với nhau, giúp đỡ lẫn nhau.

Đàm nhiên. Ngược lại âm đồ cảm. Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng: Đàm nghĩa là an tĩnh, thản nhiên. Theo văn nói Đàm cũng là yên lòng. Quảng Nhã cho rằng: đàm là bình tĩnh, yên tịnh, vắng lặng nghĩa là đàm nhiên vô vi nghĩa là tịch tịnh vô vi.

Truất nhi. Nay viết truất này cũng đồng. Ngược lại âm lạc luật. Trong Tả Truyện cho rằng: Khiến cho không gạt bỏ sự khinh thường. Đỗ dự cho rằng: Gạt bỏ, xua đuổi phóng thích, thả ra. Quảng Nhã cho rằng: Gạt bỏ đi, phế bỏ đi. Trong sách Thượng Thư cho rằng: Ba lần suy

xét mới cách chức. Trong Phạm Ninh Tập giải thích rằng: Phế bỏ, thối lui lại.

Dĩ túc. Ngược lại âm tư lục. Trong sách Thượng Thư nói rằng: Lễ chẳng phải lễ nghĩa chẳng phải nghĩa, người quân tử chẳng nên làm; người quân tử phải có mực thước nghiêm túc. Trong sách Khổng An Quốc cho rằng: Túc là nghiêm nghị, nghiêm túc. Nghĩa là nói mau lẹ nghiêm túc; cũng có nghĩa là hàng rào ngăn ngừa, ngăn ngừa làm việc xấu ác.

Ngự hàn văn cổ viết chữ ngự cũng đồng. Ngược lại âm ngự cử. Quảng Nhã cho rằng: Ngăn ngừa cấm chỉ. Trong Mao Thi Truyện cho rằng: Ngăn ngừa một trăm việc. Trong Mao Thi Truyện cho rằng: Ngăn ngừa, phòng ngự. Nhĩ Nhã cho rằng: Phòng ngự biên giới cấm chỉ giặc xâm phạm. Xá nhân cho rằng: Phòng ngự biên giới khi chưa có giặc, cũng có nghĩa là dự phòng. Trong văn luận hoặc là viết chữ ngự này. Trong Mao Thi Truyện cho rằng: Cũng là dự phòng mùa Đông. Trong Mao Thi Truyện cũng gọi chữ ngự ngự là hai chữ tượng hình, tùy theo chỗ dùng vậy.

Thảo giới. Ngược lại âm ca mại. Nghĩa là cỏ dại. Trong Tả Truyện cho rằng: Nhìn dân giống như cỏ mọc dưới đất vậy. Trong Hán Thư cho rằng: Cúi xuống đất mà nhặt cỏ rác đều là vậy.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN QUYỂN 11

Dinh tùng. Văn cổ viết chữ dinh cũng đồng. Ngược lại âm dịch quỳnh. Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng: Dinh là phòng vệ, giữ gìn, ngăn ngừa; dinh cũng là một bộ phận vậy.

Triều tông. Trong sách chu Lễ thời Xuân Thu cũng gọi là triều nhà Hạ cũng gọi là Tông nghĩa là tôn kính. Trịnh Huyền cho rằng: Chư hầu triều kiến Thiên tử. Trong văn kinh kinh cũng viết chữ triều cũng giống chữ triều vậy. Chữ triều nghĩa là sớm. Các nước chư hầu muốn đến sớm để tỏ lòng cung kính: Chữ tông cũng giống chữ tôn nghĩa là tôn kính.

Năng tích. Ngược lại âm bổ cách. Theo văn nói chữ tích nghĩa là xé ra chia cắt ra, phân tán ra. Quảng Nhã cho rằng: Tích cũng là phân ra. Trong văn luận ngữ lại viết chữ tích. Ngược lại là âm bổ xích. Chữ

tích nghĩa là người bị thọt chân, què chân. Lại viết chữ tích. Ngược lại là âm thất xích. Chữ tích nghĩa là nghiêng, hai chữ tích tượng hình trên đều chẳng phải nghĩa đây dùng vậy.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN
QUYỂN 12

Tặng di. Ngược lại âm dư quý. Quảng Nhã cho rằng: Di vật nghĩa lấy việc vui chơi tốt đẹp đưa cho người gọi là tặng vật vậy.

Du viễn. Ngược lại là âm dục chu. Trong sách quốc ngữ cho rằng: du là con đường xa xăm. Giả Quỷ cho rằng: Du là con đường dài. Nhĩ Nhã cho rằng: Du nghĩa là rất xa. Xá nhân cho rằng: Du là đi xa vậy.

Thư sang. Ngược lại âm thư dư. Theo văn nói có nghĩa là mục nhọt mọc lâu rồi cần phải mổ vậy.

Kinh lợi. Ngược lại âm cư thanh. Theo văn nói kinh nghĩa là sức mạnh. Thể chữ viết từ bộ lực thanh kinh vậy.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN
QUYỂN 13

Kiết lợi. Ngược lại âm cư thất. Tên của loài rồng. Dựa theo chữ của Nam Yến tánh.

Hào hiệp. Ngược lại âm sở lượng. Tiếng địa phương cho rằng: Hiệp là mạnh mẽ. Quảng Nhã cho rằng: Hiệp là thông minh sáng suốt, chữ viết từ bộ đại, tức là đại nhân tất nhiên là người lớn thì sáng suốt thông minh. Cho nên chữ viết từ bộ đại.

Khiển quyển. Ngược lại âm khứ thiện, khứ quyển. Chữ quyển cũng giống chữ quyển miên. Nghĩa là quyển luyến không muốn rời.

Vũ nhiên. Ngược lại âm mạc vũ. Tam Thương cho rằng: làm phật ý, không vừa lòng. Từ này nghĩa là làm việc quá lạ sửng sốt, kinh hãi. Trong sách Luận Ngữ cho rằng: Ngài Phu Tử không vừa lòng việc gì an nhiên mà nói rằng: Việc đó không đạt đến vừa ý vậy chẳng nên làm. Trong Hán Thư cho rằng: Vũ nhiên là làm trái lại lời dặn dò, nên nói ý không vừa lòng, làm phật ý vậy.

Thiết diệp. Ngược lại âm dư nhiếp. Theo văn nói là bằng nhau đều nhau; nghĩa là giữ yên; nghĩa là giữ yên mọi việc lớn, yên tĩnh. Chữ diệp tập cũng nghĩa là làm cho yên vậy. Ngược lại âm tập.

Mẫn miến. Ngược lại âm vong nhĩn vô biện. Nghĩa là tự mình cùng với vợ con. Trong sách luận cho rằng: Lấy sức mạnh của mình cùng với vợ con thì càng mạnh mẽ hơn là vậy.

Hào ly văn cổ viết ly ly hai chữ tượng hình. Nay viết ly cũng đồng. Ngược lại âm lực chi. Trong Hán Thư chú giải trong luật Na Chí rằng: Nghĩa là không mất một hào ly nào hết. Mạnh Khang chú giải rằng: Chữ hào là cái lông của con thỏ; Cũng có nghĩa là mười hào gọi là một ly. Tam Thương cho rằng: Ly tức là sợi lông. Trong sách Luận Ngữ lại viết ly âm hy vi. Âm nghĩa trong sách Hán Thư giải thích rõ ràng gọi là cúng tế quỷ thần; thịt dư gọi là ly. Theo văn nói giải thích lý là nhà có phước. Chữ ly cũng là chữ cổ thông dụng thường hay dùng vậy.

Thích vô. Ngược lại âm đô lịch. Gọi là ý chính, mục đích chính.

Thiện phủ. Ngược lại âm phu vũ. Theo văn nói: Phủ nghĩa là chứa, kho chứa. Tam Thương giải thích chữ Phủ nghĩa là kho chứa văn thư, tài vật, theo phong tục thông thường phủ nghĩa là nơi để tụ hợp; nghĩa là chỗ tụ hợp thu nhận công việc, công của hương làng văn thư tài vật các thứ (T612) vậy.

Lâm tẩu. Ngược lại âm tẳng hậu. Nghĩa cái đầm lớn. Theo thuyết văn. Tẩu khác với trạch. Trạch là cái đầm lớn có nhiều nước còn tẩu cũng là cái đầm mà chứa ít nước.

Hấp hưởng. Ngược lại âm hồ cập. Âm dưới là thực đô. Hấp hưởng nghĩa là động tác nhanh chóng; âm thanh vang dội lại; cũng có nghĩa là tiếng vang. Theo chú giải rằng: Gọi là giữa khoảng cách đột nhiên, chợt đến.

Di diệt. Ngược lại âm dĩ chi. Quảng Nhã cho rằng: Là tiêu diệt, giết hết. Theo sách sử ký chữ do nghĩa là từ ngày xưa gọi các chủng tộc phía Đông Trung Quốc; như là man di; cũng có nghĩa là dùng để chỉ người văn hóa thấp kém. Theo sách Quốc ngữ giải thích: Di nghĩa là cái bếp nấu ăn; cũng có nghĩa là dùng bữa điểm tâm sáng. Giả Quì cho rằng: Do nghĩa là hủy diệt vậy.

Ủy vật. Ngược lại âm hu quý. Trong sách Chu Lễ giải thích rằng: Ít thì gọi là ủy, nhiều thì gọi là tích nghĩa là chứa nhiều. Nghĩa là gom góp tụ hợp lại chứa nhiều là vậy.

Khinh dật. Nay lại viết chữ dật cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm dữ nhất nghĩa là chỗ nước chảy; cũng có nghĩa là rửa sạch.

Hào kiệt văn cổ viết kiệt cũng đồng. Ngược lại âm bờ cao. Ngược lại âm dưới là kỳ triết. Hoài Nam Tử cho rằng: trí vượt hơn trăm người gọi là hào ; trí vượt hơn ngàn người gọi là kiệt. Theo chữ hào cũng giống như chữ tuấn; nghĩa là tài giỏi trí vượt bậc tuấn kiệt; nghĩa là người mang chí lớn: Sách Lễ Ký cho rằng: Hào là người dẫn đường; cũng là thầy, giáo sư; kiệt là người tạo lập dựng lậ, người tài trí xuất chúng; cũng gọi là tài năng: Trong văn luận lại viết nghĩa là hung bạo; giống như con vật hung bạo cột vào gốc cây: Chữ kiệt này là chẳng phải nghĩa đây dùng vậy.

Xuyến lạc. Văn cổ lại viết quán vi hai chữ tượng hình. Lại viết quán cũng đồng. Ngược lại âm cổ hoạn. Nhĩ Nhã cho rằng: Xuyến nghĩa là tập hợp lại, gom lại nghĩa là người ta hợp lại thành một đoàn. Xá nhân gọi là gom tâm lại, nghĩa tập trung lại một điểm gọi là xuyến; là xâu lại vậy.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN QUYỂN 14

Mộ nhân. Ngược lại âm mô cổ vũ câu hai âm. Theo văn nói nghĩa là cầu nhiều, rộng cầu. Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng: Tìm kiếm khắp nơi trong nhân gian.

Khống cáo. Ngược lại âm khô động. Trong Mao Thi Truyện cho rằng: Khống là khống chế, các nước lớn khống chế các nước nhỏ, cũng gọi là vu khống. Trong Tả Truyện cho rằng: Khống là dẫn theo kéo theo, là kéo từ xa đến gần. Theo Hàn Thi truyện gọi là đi đến, sang đến cũng là báo tin vậy.

Chu cứu. Nay viết chu này cũng đồng. Ngược lại âm chi do. Gọi là lấy tài vật chu cấp cho người gọi là chu. Trong sách Chu Lễ gọi là năm dâng thành một chu. Chữ đảng nghĩa là, năm trăm nhà tạo thành một đảng, một nhóm, chỉ người thân thuộc nội ngoại hôn; vậy nên khiến cho người ta tương thân tương ái lẫn nhau, giúp đỡ lẫn nhau. Trịnh Huyền gọi là Chu nghĩa là lễ vật không dự bị sẵn, mà đủ chu cấp cho nhau. Trong kinh Thi gọi là người giàu có khá giả thì không chu cấp cho. Trong Tả Truyện gọi là cứu giúp tai ách khó khăn cho muôn dân. Trịnh Tiễn gọi là dùng tay tước lấy vật mà chu cấp cho người khác trong lúc khó khăn cấp bách.

Đĩnh Chu. Ngược lại âm đồ đỉnh. Tiếng địa phương gọi là Nam

Sở dùng chiếc thuyền nhỏ đi khắp sông hồ; Chữ đĩnh nghĩa là chiếc du thuyền, còn gọi là thuyền cứu sinh, thuyền cứu hộ, cũng gọi là tàu ngầm dưới nước đều gọi là đĩnh. Quách Phác cho rằng: Đĩnh là chiếc thuyền nhỏ. Giải thích tên gọi là đĩnh hai trăm học trở lên gọi là đĩnh. Chữ ngược lại là âm tư lục. Chữ chu ngược lại âm điều.

An Thố. Ngược lại âm khư cố. Theo chữ thố nghĩa là đặt để. Theo sách Lễ Ký cho rằng: Người quân tử sáng suốt nơi lễ, an vui nơi đặt để sắp bày mà thôi Trịnh Huyền cho rằng: Chữ thố cũng giống như chữ thí nghĩa là cho, ban ra; Trong văn luận lại viết thố gọi là chôn cất, đặt để. Ngược lại âm nhứt các. Theo văn nói thố này nghĩa là mạnh mẽ nghiêm túc; cũng nghĩa là chà xác. Theo kinh Thi gọi là Ông ấy ở trên núi dùng cục đá chà xác vào nhau để lấy lửa, chữ nhớ này chẳng phải ý nghĩa trong luận.

Mịch tử. Ngược lại âm Mạc lạc. Theo văn nói mịch là đột nhiên, bỗng nhiên ở phía trước. Theo sách Quốc ngữ: Hiện nay tìm kiếm người dân tộc chưa khai hóa không có, cũng có nghĩa là khinh thường không chĩnh tề, không nghiêm túc. Giả Quì cho rằng: Chữ mịch là tìm không có; cũng giống như là xúc chạm nhẹ thể chữ từ bộ Viết thanh kiến. Ngược lại âm mang báo. Nay đều viết mạo. Theo chữ mạo ngược lại âm vong báo. Mạo có nghĩa là che đậy, cũng có nghĩa là mong muội, cũng có nghĩa là ăn vậy.

Tự thế. Ngược lại là âm dương lệ. Nhĩ Nhã cho rằng: Thế nghĩa là phế bỏ; Lý Tuần cho rằng: Thế cũng nghĩa là bỏ đi phế bỏ cái cũ thay thế cái mới.

Cương bức. Ngược lại âm phò bức. Trong Tả Truyện cho rằng: Bức là làm trái ngược lại. Đỗ Dự chú giải rằng: Bức là khóc. Cũng gọi là ương ngạnh bướng bỉnh, không có lòng nhân, oán hận.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN QUYỂN 15

Miễn lệ. Lại viết chữ mại cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm mị biện. Theo văn nói miễn nghĩa là gắng sức miễn cưỡng gắng gượng, gượng ép; không tự nhiên, không đầy đủ. Ngược lại âm lữ chế. Nghĩa là tự mình khích lệ, khuyến khích, cố sức lên.

Dương đồng. Ngược lại âm dĩ lương. Gọi là nấu như tiêu tan ra

nước hết; cũng có nghĩa dồi dào. Tam Thương giải thích dương là nước lớn, nước biển lớn. Sách Nhĩ Nhã giải thích dương là tên một con sông ở Trung Quốc; cũng có nghĩa là giọt nước dưới sông bắn lên. Quách Phác gọi là nước quá nhiều, tràn đầy.

Tị ôi. Ngược lại âm bi dị. Theo văn nói tị nghĩa là xoay chuyển, quanh co. Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng: Tỵ là lánh đi, trốn đi, tránh khỏi đi; cũng gọi là xa lìa, đi xa, rời khỏi. Chữ ôi. Ngược lại âm ô hồi. Theo văn nói nghĩa là một khúc quanh co, nước chảy quanh co, khúc khuỷu; cũng có nghĩa là nơi khuất, che đậy. Trong văn luận lại viết ôi ngược lại âm ô hồi. Nghĩa là yêu thương. Chữ ổi chẳng phải nghĩa đây dùng vậy.

Cơ thất Ngược lại âm cự y chữ cơ nghĩa là gần vậy; nói gần mà lại không gần vậy.

Côn trùng văn cổ viết trùng này cũng đồng. Ngược lại âm cổ hồn. Theo sách Lễ Ký gọi là côn trùng nghĩa là giấu, ẩn; côn trùng mùa Đông ẩn mình bất động, chưa trở dậy. Trịnh Huyền cho rằng: Côn minh nghĩa tên lủ phủ của tỉnh Vân Nam Trung Quốc. Lại nữa, côn cũng có nghĩa là sáng, côn trùng theo ánh sáng; khi mặt trời mọc mà sanh ra âm, nên chứa các loại côn trùng. Hạ Tiểu Chánh gọi là côn là loại côn trùng nhỏ, gọi là ấu trùng, cũng gọi là côn hồn, hồn, cũng gọi là hồn nhiên v.v... đều là loại côn trùng nhỏ nhít, loài động vật sống ẩn nấp nơi tối tăm.

Xuyên du. Ngược lại âm dục chu. Tam Thương giải thích rằng: Chữ du là cái hốc, cái lỗ. Người phương Bắc Trung Quốc ở gần cổng, phía trên tường làm cái hốc giống như cửa nhỏ một bên. Theo văn nói cửa một bên nước chảy xuyên qua nhà. Người phương Đông gọi người phương Bắc là xuyên du nghĩa là đục tường khoét vách ăn trộm vậy. Ngược lại âm đồ cấu. Theo sách Lễ gọi là cửa ở trên tường cao chót vót. Trịnh Huyền cho rằng: Du là cái cửa ở một bên, cũng gọi là cửa ở một bên vách tường, cũng giống như cửa trên cao chót vót. Trong văn luận lại viết du này, nghĩa là vượt qua, băng qua. Chữ du chẳng phải thể chữ đây dùng vậy.

Dâm dật. Ngược lại âm dĩ nhất. Quảng Nhã cho rằng: Dật nghĩa là vui. Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng: Dật là phóng đãng, buông thả vậy.

Bất mục. Lại viết chữ mục cũng đồng. Ngược lại âm vong trúc mạc lục hai âm. Theo sách Thượng Thư gọi là cửu tộc, chín họ đã hòa mục với nhau, nghĩa là các người trong chín đời đã hòa thuận với nhau.

Sách Khổng An Quốc gọi là hòa thuận, thân thiện. Cũng gọi là ta và các người đều hòa thuận, thân thiện. Sách Khổng An Quốc gọi là hòa kính vậy.

Tà Tích. Ngược lại âm thất xích. Trong kinh Thi gọi là nhiều dân gọi là tích; cũng là hiếm lạ, lạ lùng. Trịnh Tiễn gọi là không ngay ngắn, lạ lùng, những điều quái dị. Theo chữ tích nghĩa là việc không ngay thẳng, lừa dối, không trung thực, lý lẽ tà lại vậy.

Diêu tác. Ngược lại âm dư chiêu. Theo văn nói nghĩa là lò nung đồ gốm sứ. Văn thông dụng thường hay dùng viết là. Thảo táo cũng nghĩa là lò nung đồ gốm sứ cũng gọi là lò gốm, lò nung.

Hoảng hốt. Văn cổ lại viết hoảng hoang hai chữ tượng hình, cũng đồng. Ngược lại âm hồ hoảng. Nghĩa là mơ màng, mang máng, không rõ, không nhớ rõ.

Tông tộc. Ngược lại âm tử đồng. Nghĩa là chỗ thừa kế. Theo chữ lâm nghĩa là Tông là tôn vậy cũng gọi là như vậy. Quảng Nhã cho rằng: Tông nghĩa là nguồn gốc, nên tảng Sở Từ gọi là đồng họ gọi là Tông tộc. Ngược lại âm tông tộc, chữ tộc nghĩa là giống loại. Theo sách Chu Lễ gọi là bốn lu làm một tộc. Chữ lư nghĩa là năm nhà lập thành một tử năm tử tạo thành một lư; Như vậy Lư là có hai mươi lăm nhà. Trịnh Huyền gọi là một trăm nhà vậy.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN QUYỂN 16

Phỉ vĩ. Ngược lại âm Hồ vĩ vong phỉ. Nghĩa là giống như là có. Trong kinh Thi gọi là người quân tử có văn chương trau chuốt. Theo Tả Truyện gọi là văn chương. Chu dịch gọi là gắng sức để trở thành người tài hoa trong thiên hạ. Chữ Vĩ nghĩa là gắng sức. Lưu Hiến cho rằng: Chữ vĩ giống như chữ vi nghĩa nhỏ bé vậy.

Trường quị. Ngược lại âm kỳ ngụy. Theo thanh loại có nghĩa là quì lâu. Giải thích tên gọi là quì nghĩa là trong lòng không an, quì nghĩa là hai đầu gối ấn xuống đất hai tay chấp lại, trán, hai tay, hai đầu gối quì sát đất. Ngược lại âm ngũ viết.

Nhuyễn phu. Các sách đều viết nhuyễn này cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm nhi xung. Trong sách Hán Thư giải thích chữ nhuyễn nghĩa mềm yếu, mềm mỏng; không thẳng qua nhận làm các việc mềm

yếu.

Tốt vô. Ngược lại âm tử luật. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Tốt là cuối cùng, duy cuộc. Xá Nhân cho rằng: Tốt nghĩa là bình sau cùng là qua đời. Lý Tuần gọi tốt là việc đã xong rồi.

Điềm đạm. Ngược lại âm đồ liêm đồ lam. Tiếng địa phương gọi là điềm tĩnh. Quảng Nhã gọi chữ đạm là an ổn.

Khư đề. Lại viết khư này cũng đồng. Ngược lại âm khuư giá. Xưa người nước Tần gọi là hư không. Dựa theo chữ tỳ thương cho rằng: Há miệng ra.

Tắc quệ. Hoặc viết quệ này cũng đồng. Ngược lại âm cự viết cư nguyệt hai âm. Theo văn nói chữ quệ nghĩa là ngã nhào; cũng có nghĩa là ngã ngửa ra. Quảng Nhã cho rằng: Quệ là hết sức kiệt quệ, là thất bại. Trong luận văn lại viết quệ, văn cổ lại viết cũng đồng. Ngược lại âm cư vệ cư nguyệt Nhĩ Nhã cho rằng: Chữ là động vật. Theo chữ quệ nghĩa kinh hãi chạy loạn lên, nhanh chóng gấp gáp, ý nghĩa của chữ quệ này đây không dùng vậy.

Gian quan. Nghĩa là gặp gềnh gian khổ không đạt đến được. Lại cũng có nghĩa là sắp bày an trí vậy.

Quả cảm. Ngược lại âm cổ họa. Quảng Nhã cho rằng: Chữ quả là dũng cảm. Thương Hiệt biên soạn giải thích nghĩa là gan dạ dũng mãnh, giết kẻ địch là quả Nhĩ Nhã cho rằng: Quả là thắng, là vượt qua. Tôn Đạm cho rằng: Quả nghĩa là quyết thắng; Nay lại viết là quả cảm Ngược lại âm hồ lẫm.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN QUYỂN 17

Thu hoạch. Ngược lại âm hồ quách. Theo văn nói chữ hoạch nghĩa là cắt lúa. Vương Dật chú giải trong sách Sở Từ rằng: Là cỏ, cũng gọi là cắt các loại ngũ cốc như là lúa nếp v.v... gọi là hoạch nghĩa là thu hoạch đem về nhà.

Huynh minh. Chữ lâm ngược lại âm ất khinh mang khinh. Nghĩa là tâm thái cũng có nghĩa là nhìn thấy rất nhỏ. Trong văn luận lại viết nghĩa là nhìn chưa thấy cái thai chỗ xuất hiện.

Huỳnh nhiêm. Ngược lại âm như liêm nhiêm nghĩa là râu quai nón. Giải thích tên gọi là râu mọc mép tai đến bên gò má gọi là râu quai

nón, dọc theo miếng khi nói chuyện động đậy đong đưa, nghĩa là râu mọc quá nhiều. Trong văn luận lại có viết chữ phát nghĩa là râu tóc.

Sất chi. Ngược lại âm xỉ dật. Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng: Sất nghĩa là la hét, quát mắng. Trong sách lễ ký cho rằng: Trước tôn trọng khách thì không quát mắng, đánh đập chó là vậy.

Thuần tuần. Ngược lại âm thư tuần. Nhĩ Nhã cho rằng: Thuần nghĩa là lùi lại nhường bước. Quách Phác cho rằng: Thuần tuần nghĩa là lùi lại nhường bước cho người đi vậy.

Dục dục. Ngược lại âm trên do đào. Âm dưới là dục chức. Theo văn nói: Dục nghĩa là ánh sáng rực rỡ; dục là ánh lửa sáng chói. Quảng Nhã cho rằng: Dục dục là ngọn lửa cháy đỏ lòe, cháy rực. Tỳ Thương gọi là ngọn lửa cháy rất mạnh. Trong văn luận viết chữ dục là sáng, là ánh sáng lấp lánh. Ngược lại âm thức chức cùng với chữ thức cũng đồng. Chữ thức nghĩa là my nấu tiêu tan ra. Chữ này đều chẳng phải nghĩa đây dùng vậy.

Chất cốc âm trên là chi thất, âm dưới là công ốc. Sách Chu Lễ gọi là người bị cầm tù, phạm người cầm tù là có tội. Chữ chất cốc nghĩa là cùm chân và cùm tay. Trịnh Huyền cho rằng: Cùm tay gọi là chất. Cùm chân gọi là cốc.

Hồi miến. Ngược lại âm minh kiến. Theo văn nói nghĩa là liết xéo, nhìn nghiêng. Theo tiếng địa phương gọi là tự mình nhắm mắt lại mà ở giữa nước Tây Tân, Tấn vẫn thấy được gọi là Miến vậy. Điền tích. Văn cổ lại viết cũng đồng. Ngược lại âm đồ kiên. Nghĩa là điền là đầy lấp, nghĩa là điền vào chỗ trống Quảng Nhã cho rằng: Điền nghĩa là rắc nghiền.

Tức yếm. Ngược lại âm y đạm. Nghĩa là trong vườn nuôi thú không thấy rõ Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng: Phủ phục xuống hợp với lòng người gọi là yếm. Chữ yếm cũng có nghĩa là tên núi ở phía Đông. Ngược lại âm y đài. Theo văn nói yếm là hợp vậy. Chữ viết từ bộ Hán âm ha thư.

Phước chữ. Văn cổ lại viết hai chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm phồ bức. Theo tiếng địa phương gọi, phước nghĩa là hơi lửa cho khô. Ở huyện Lũng Tây thuộc tỉnh Cam Túc thì gọi ngược lại nghĩa là chữ phước. Theo văn nói là lấy lửa nướng thịt, khô gọi là phước.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN QUYỂN 18

Trước hỗn. Ngược lại âm hồ độn. Theo văn nói chữ hỗn nghĩa là nhà xí (nhà vệ sinh) Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng: Là chỗ ở của con heo. Chữ viết từ bộ Vi thanh thỉ. Ở trong bộ vi. Theo chữ chỉ ý. Trong văn luận lại viết hỗn chữ hỗn này nghĩa là nước đục dơ bẩn; lộn xộn chữ hỗn này chẳng phải chánh thể vậy.

Kê lưu. Ngược lại âm cổ hê chữ lâm kê lưu nghĩa là ngừng lại, dừng lại. Âm khê nghĩa rập đầu lay hết sức kính cẩn cũng Bích nham lục tắc là giữ lại, dừng lại vậy.

Huyền thẳng. Trong luận văn nhiều khi viết chữ huyền này ngược lại âm hồ đại nghĩa là treo cái đỉnh lên chữ huyền chẳng phải nghĩa đây dùng vậy. Chữ Thăng này chưa thấy chỗ xuất hiện vậy.

Năng quyết. Ngược lại âm khuê hoăng. Theo văn nói nghĩa là dưới sông nước chảy xuyên qua, nước chảy xiết cuộn cuộn vậy.

Lạc. Ngược lại âm. Lạc nghĩa là thiêu đốt vật cho nóng lên rồi, là là, ủi. Trong văn luận lại viết thước ngược lại âm. thức chước, thước nghĩa là nung đốt cho tiêu ra, chữ thước chẳng phải nghĩa đây vậy.

Kê vự. Ngược lại âm mạc tộc. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Con vệt trời, tức là con le le Quách Phác chú giải rằng: Tức là con vệt. Lê Tuấn gọi là con vệt hoan dã là con vệt trời. Chữ dã áp nghĩa là con việp đồng người ta nuôi từng bầy ở ao hồ. Chữ vự cũng tên là con vệt, chữ phủ Thù Mổ Thị gọi là con le le có hai cánh bay xa thoải mái, cũng gọi là con vệt trời vậy.

Thúc cự. Nay lại viết thúc này cũng đồng. Ngược lại âm tử luy. Quảng Nhã cho rằng: Thúc là cái miệng; chữ trong sách nghĩa là cái mỏ con chim; hoặc là viết chữ chủ nghĩa là mỏ nhọn. Trong văn luận viết các kinh sử đều không giống các chữ này. Chỉ có trong truyện Nghị Thất Kích cho rằng: Chữ huê nghĩa là uống cạn nước suối. Viết chữ này ngược lại âm từ nhuyễn. Chữ huê chẳng phải nghĩa chữ đây dùng. Chữ cự văn cổ viết cự cự hai chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm, cự lữ cự lữ hai âm. Theo văn nói có nghĩa cự là cửa của con gà vậy.

Chi phong. Ngược lại âm cự nghi. Văn thông dụng thường hay dùng gọi là con ong mật, cũng gọi là con căng cầu cũng giống con ong. Chi thuật ở Quan Tây gọi là cầu sừ, nghĩa là con ong hay tiết mật ra chú thuật cũng là âm cầu sừ ngược lại âm Sở Chu. Theo Thanh Loại nghĩa là loài động vật có nhiều chân.

Hưu vụ. Ngược lại âm hứa ngư. Nhĩ Nhã cho rằng: Con cú tai mèo. Loại mảnh cầm thân dài hơn thước, mắt tròn to, màu hơi nâu. Ngày ẩn trong núi đồng, đêm ra bắt ăn những thú nhỏ. Xã nhân gọi là con chim quái lạ. Cũng tên là hưu lưu ở Nam Dương gọi tên là câu danh tất cả đều là so hưu là con (T613) cú mèo.

Da cụ thể chữ viết ca hoặc là viết hà, cũng đồng âm da. Ngược lại âm dưới là cư hệ cư bích hai âm. Theo văn nói có nghĩa là giống như con khỉ mẹ lớn; nó hay khéo chăm sóc liếc nhìn nắm giữ con người. Nhĩ Nhã cho rằng: Cụ là con khỉ cha, nên khéo hay chăm sóc. Quách Phác cho rằng: Con vượn cũng giống như con khỉ, mà thân hình nó bốn màu sắc xanh đen, nó hay khéo biết nhìn và chăm sóc con người rất chu đáo. Xưa nay chú giải cho rằng là con vượn năm trăm trăm tuổi hóa làm con dã nhân. Bao Phác Tử cho rằng: Con khỉ tám trăm trăm tuổi hóa làm con vượn thọ một ngàn ngàn tuổi là vậy.

Hao san văn cổ viết hai chữ tượng hình cũng đồng âm thao thao. Ngược lại âm tha cao. Chữ viết cho đúng là tham cũng đồng. Ngược lại âm tha kiết. Theo văn nói có nghĩa là ăn. trong Tả Truyện giải thích rằng; Người dân không có của cải mà con cái tham ăn uống cho no. Dem của cải đúc lột hối lộ cho nhiều rồi chứa cất riêng tư, thật không biết nhớ đến trong thiên hạ gọi là hao nghĩa là tham ăn Đỗ Dự cho rằng: Tham tài vật gọi là hao ăn của cải; ăn uống gọi là san, là ăn uống thức ăn vậy.

Nhãn hãm. Sở Từ chú giải rằng: Hãm nghĩa bị rơi xuống nước, bùn mà không có ai cứu. Vương Dật chú giải rằng: Bị chìm xuống theo chữ hãm cũng giống như chữ đọa nghĩa là rơi rớt xuống; con người bị rơi xuống, đọa vào nơi không tốt lành. Trong Văn Luận lại viết hãm chữ này nghĩa là mắt bị cận thị vậy.

Đãng địch. Văn cổ lại viết cũng đồng. Ngược lại âm đồ lang. Âm dưới là đồ lịch. Chữ đãng địch nghĩa là đồ dùng tẩy rửa. Sách Thượng Thư nói rằng: Nguồn nước ở chín con sông. Khổng An Quốc gọi là rột rửa, quét dọn sạch sẽ.

Thiết uyển chữ uyển. Ngược lại âm sơ nhân. Nay nghĩa là nướng thịt. Chữ uyển cũng là chữ viết lược gọi là lấy dao cắt thịt xỏ xâu lại. Trong văn luận viết là chung. Nay viết sản, nghĩa là san bằng, tiêu diệt.

Qua liệt. kiểm các chữ trong sách thì không có chữ này. Theo nghĩa hợp là viết chữ quặc. Ngược lại âm. cư bích cửu hệ hai âm. Theo văn nói chữ quặc nghĩa là chụp lấy; tóm lấy. Theo sách Lễ Ký nghĩa là

chup lấy, vô bất loại côn trùng giống như con châu chấu.

Phanh độ văn cổ lại viết bình chuyên hai chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm bổ canh. Chữ phanh nghĩa liều mạng cứu giúp, dùng dây nối lại cứu giúp kẻ sắp chết đuối dưới sông.

Đoàn tiết. Ngược lại âm đồ quan. Theo văn thông dụng có nghĩa dùng tay vo tròn lại gọi là đoàn. Theo văn nói nghĩa là tổ chức gồm nhiều người; như gọi là đoàn thể. Theo Thanh Loại gọi đoàn nghĩa bắt lấy. Theo chữ lâm đoàn tiết nghĩa là bắt giữ lại; viết chữ đoàn âm đoàn. Ngược lại âm đồ hoàn. Theo văn luận viết chữ đồa nghĩa là đoàn, nghiên cứu. Văn tự người khác mà đoán. Ngược lại âm sơ ủy, đồ quả hai âm, chữ đồa nghĩa lường, đo chiều cao gọi là sủy đi chiều sâu gọi là nhẩn. Chữ đồa chẳng phải âm nghĩa của kinh đây dùng vậy.

Lục bác. Ngược lại âm. Nhĩ Nhã cho rằng: bác giống như con ngựa mọc thêm răng để ăn con hổ báo, con beo. Xá Nhân cho rằng: Bác là con thú có nhiều sức mạnh. Trong kinh Sơn Hải cho rằng: Ở quanh sườn núi có con thú hình trang giống như con ngựa, thân nó có đốm trắng, đốm đen, lại có một cái sừng trên đầu, móng nó giống như con cạp, tiếng nó rống như là tiếng trống, người ta gọi là con lục bác nó hay ăn thịt con hổ báo, con beo. Người bắt được nó lấy sừng làm binh khí. Trong Kinh Thi cho rằng: Ở vùng ẩm thấp có con Lục bác là vậy. Thời nhà Ngụy lên ngôi ba năm đầu lại thấy con lục bác ở nơi hoang dã.

Giảo khiết (niết). Lại viết chữ nhiều cũng đồng. Ngược lại âm ngũ giảo. Theo văn nói, chữ Giảo khiết nghĩa là nhai xương. Quảng Nhã cho rằng: Là cắn vậy.

Tê xế. Lại viết chữ lai cũng đồng. Ngược lại âm trúc giai. Văn thông dụng gọi là thay đổi cách viết của chữ niết, gọi là chữ tê. Quảng Nhã cho rằng: cũng là cắn vậy.

Lịch chư. Ngược lại là âm lặc các lực đích, hai âm. Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng: Chữ lịch là xe lăn. Theo văn nói nghĩa là chiếc xe cán lên nghiên nát vậy.

Như trắc. Ngược lại âm trắc cách. Theo chữ cũng giống như chữ áp, nghĩa là đè nén, bức bách. Nay gọi là lấy cái máng hứng nước ép ra là vậy.

Nhu trường. Văn cổ lại viết khứ, cũng đồng. Ngược lại âm hai âm. Văn thông dụng cho rằng: Nhu nghĩa là giẫm đạp lên giết chết gọi là nhu. Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng: Cũng là giẫm đạp, chà đạp, giày xéo; làm hư hoại, lãng phí.

Giả sắc. Ngược lại âm chi dã. Tam Thương cho rằng: Màu đất

nung tím đỏ. Theo tiếng địa phương cho rằng: Ở giữa Nam Sở và biển Đông Hải, hoặc cũng gọi là màu tím đỏ, quặng đá màu tím đỏ. Quách Phác cho rằng: Cũng đồng là y phục màu đỏ sẫm vậy.

Phanh nhựt. Ngược lại âm phổ canh. Chữ phanh nghĩa là nấu chín. Tiếng địa phương gọi là nấu chín nhừ. Ở núi Tung Nhạc lấy giữa Nam Trần đỉnh gọi là nấu chín. Trong sách Nghi Lễ cho rằng: Nấu trong cái nồi sắt gọi là phanh. Nghĩa là bên ngoài có cái nồi đồng có chân: Nghĩa là chưng cách thủy.

Đàn trư. Thanh Loại thì viết đàn phân hai chữ tượng hình. Giải thích theo văn cổ có nghĩa là phóng lửa khiến cho lửa cháy nóng nhiệt. Theo văn cổ lại viết lục cách hai chữ tượng hình. Nay lại viết diêm ngược lại âm tường liêm. Theo văn nói nấu nước sôi nóng bỏ thịt vào, gọi là nấu ninh. Theo văn thông dụng có nghĩa là lấy nước sôi nóng tấy đi. Trong Mao Thi Truyện gọi là dục nghĩa là nấu cháo. Trong văn luận viết lạn nghĩa nấu thịt nát nhừ. Theo văn nói giải thích rõ ràng gọi là thực nghĩa là họ Thục, nhánh con vua Đế cộc được phong ở đất thực. Nay đều giặc chữ Thục ngược lại âm dư thiểm lại âm dương triêm. Theo văn nói chữ lan là lửa cháy rần rần. Lan đây chẳng phải nghĩa nay dùng vậy.

Trách ngư. Văn cổ lại viết ni cũng đồng. Ngược lại âm tri cách. Quảng Nhã cho rằng: trách là trương ra, mở ra. Theo văn nói chữ trách nghĩa là tội ác, phải trừng phạt. Nhĩ Nhã cho rằng: Cúng tế thần gió. Gọi là trách Tôn Đạm cho rằng: Trừng phạt bằng cách xé xác ra cúng tế thần lấy mạng sống của nó cho tán ra bay theo gió. Trong luận lại viết thác. Chữ này chưa thấy có chỗ xuất hiện vậy.

Mãnh nghị. Ngược lại âm ngư ký. Theo sách Thượng Thư cho rằng: Nghị nghĩa là tôn kính quả quyết, cứng cỏi. Theo sách Khổng An Quốc gọi là giết địch, giết kẻ giặc, là dũng cảm quả quyết gọi là nghị. Theo văn nói có nghĩa là ngông cuồng nổi giận cũng có nghĩa là có quyết định, gọi là cương nghị vậy.

Thiết dục. Ngược lại âm dư chức. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Chữ nghĩa là cây cột trụ để buộc súc vật. Quách Phác gọi là thanh gỗ ngăn chôn trong cửa để chặn lại nghĩa là gạch cửa. Trong văn luận có viết chữ, nghĩa là vật thể có góc cạnh. Trong truyện viết sai chữ ngược lại âm.

Thích đọt. Nay lại viết thích này cũng đồng. Ngược lại âm tùng tức. Theo văn nói nghĩa là vượt qua. Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng: Đánh ngựa cho chạy phóng qua. Cũng gọi là mất dấu. Theo Khảo

Thanh chữ thích nghĩa là dùng chân đá. Theo cách viết chữ đường đột hai chữ tượng hình vậy.

Đồng quyết. Ngược lại âm cự nguyệt. Theo văn nói chữ quyết nghĩa là cây trụ cột, cây mọc. Trong văn luận lại viết quyết nghĩa là cái vòng sắt. Tỳ Thương gọi là cái cối xay. Trong văn thông dụng gọi là mài giữa cho bằng, cũng gọi là quyết chữ quyết đây nay chẳng phải nghĩa vậy.

Phát triệt. Ngược lại âm trừ liệt. Quảng Nhã cho rằng: Triệt nghĩa là hư hoại, cũng có nghĩa là xóa bỏ đi, trừ bỏ đi. Trong sách Nghi Lễ cho rằng: triệt là biến khắp; phế bỏ. Trịnh Huyền cho rằng: Triệt nghĩa là trừ đi, bỏ đi, xóa bỏ đi.

Cấm chiến văn cổ lại viết kim cũng đồng. Ngược lại âm cự ảm. Sở Từ cho rằng: Miệng đóng kín mà không nói được. Vương Dật cho rằng: Miệng không mở ra ngâm lại gọi là cấm cũng gọi là cấm khẩu.

Tiếp tiết, văn cổ, âm dưới là giáp. Ngược lại âm văn giáp. Chữ tiếp tiết nghĩa là nước ở biển Đông chảy ra vậy. Trong văn luận lại viết giáp chẳng phải thể vậy.

Bảng đài. Ngược lại âm bạc xung. Chữ dưới lại viết đài cũng đồng. Ngược lại âm sủu chi. Chữ trong sách là bảng nghĩa là dùng nắm tay dấm, nện. Quảng Nhã cho rằng: Cái bảng niêm yết danh sách chọn kẻ sĩ, tuyển quan lại ngày trước đều gọi là bảng, cũng có nghĩa là bảng văn cáo thị.

Kỵ đạn. Ngược lại âm cự ký. Quảng Nhã cho rằng: Kỵ nghĩa là sợ hãi, e dè. Theo văn nói: Kỵ nghĩa là ghen ghét, nghi ngờ, xấu ác. Chữ đạn ngược lại âm đồ thư. Đại nghĩa là gấp khó khăn, kiêng sợ.

Trở cát. Ngược lại âm trang lữ. Tiếng địa phương gọi chữ trở là cái ghế ngồi. Chữ trong sách gọi là cái thớt cắt thịt.

Úy mậu. Ngược lại âm ư vị. Thương Hiệt giải thích rằng: Là cây cỏ mọc tươi tốt. Trong văn luận lại viết uất nghĩa là cây cỏ mọc sum suê, um tùm. Ngược lại là âm ư khuất. Theo văn nói có nghĩa là cây cỏ mọc trong rừng xanh tốt rậm rạp, gọi là uất.

Bộ lộ. Ngược lại âm phồ bốc. Theo văn nói nghĩa là phơi bày ra, lộ ra cho khô chữ viết từ bộ viết đến bộ xuất cũng chữ mẽ.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN QUYỂN 19

Hiêu trần văn cổ viết hiêu cũng đồng ngược lại âm. Chữ nghĩa là huyền náo, ồn ào huyền náo. Trong Tả Truyện gọi là nơi ồn ào huyền náo, cũng là vùng ẩm thấp, dơ bẩn.

Vô viện. Ngược lại âm tự quyển. Theo chữ viện đó nghĩa là y cứ theo mà nói là trợ giúp, giúp đỡ, ủng hộ vậy.

Hoài dưng văn cổ viết dưng cũng đồng. Ngược lại âm di chứng. Nghĩa là ôm hoài bảo gọi là dưng. Tam Thương cho rằng: Ôm trong lòng đứa con. Quảng Nhã cho rằng: Thân mang thai. Chữ viết từ bộ tử là con thanh nãi. Trong văn luận có viết hoài nhậm. Ngược lại âm như cấm cũng nghĩa là có mang thai, có chữa vậy.

Thế dẫn. Ngược lại âm dữ chấn. Nhĩ Nhã cho rằng: Là người thừa kế. Xá Nhân cũng cho rằng: Thừa kế, tiếp tục theo đời. Theo văn nói có nghĩa là con cháu nối dõi, thừa kế, nối theo; Cũng gọi là lần lượt sinh con cháu nối theo, tiếp nối theo.

Chữ u. Ngược lại âm cổ hà. Nghĩa con nai đực. Theo văn nói: Tới mùa hè là tới thời kỳ thay sừng; tới mùa đông cũng thay sừng. Chữ chủ văn cổ, cũng viết cũng đồng. Ngược lại âm ư ngư. Nhĩ Nhã cho rằng: con hươu cái; con hươu cái nó có mang thai.

Hữu thân. Ngược lại âm thư lân. Chữ thân nghĩa là mang thai. Trong sách cũng có viết thân hai chữ tượng hình cũng là văn thông dụng thường hay dùng.

Quân trì. Nói cho đúng là quân chùy ca. Trung Hoa dịch là cái bình, lọ, chai. Gọi là hai cái miệng rót nước. Trong văn luận lại viết quân trì. Chữ không thấy có chỗ xuất hiện; do nơi văn thông dụng mượn âm mà viết vậy thôi.

Kỳ đạo văn cổ lại viết kỳ kỳ hai chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm cự nghi. Gọi là kỳ nghĩa rất khác biệt. Nhĩ Nhã cho rằng: Hai con đường lộ lớn; gọi là kỳ. Quách Phác cho rằng: Con đường xuất phát thẳng ra. Giải thích tên gọi là hai vật là kỳ bên trái gọi là bàng, nghĩa là hai con đường phải và trái đều đồng nhau vậy.

Bác lộc. Ngược lại âm. Theo chữ bác giống chữ phủ nghĩa là vỗ về. Lại gọi là mộng mơ cùng với Sở Từ vỗ về. Đỗ Dự gọi là dùng tay tác. Trong sách Khảo Công Ký gọi là vỗ về. Cũng lại là giơ tay lên lấy, nắm lấy.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN QUYỂN 20

Phanh tắc. Lại viết chữ phanh cũng đồng âm. Ngược lại âm phổ canh. Theo văn nói chữ phanh nghĩa là bắn cung giống như nói giương dây cung bắn cung tên vậy.

Xích oách. Ngược lại là âm ô quách ư cụ hai âm. Nghĩa là loại sâu bướm thường sanh ở cây dâu. Theo văn nói thì loại sâu này ẩn mình trong lá dâu. Nhĩ Nhã cho rằng: Là con sâu bướm Quách Phác gọi là con dê, con rít. Ngược lại âm tử lực tử lục. Nghĩa một loại côn trùng có chân bò chui rút dưới đất. Xá Nhân gọi là ở đất Tống kêu là con tằm ăn lá dâu.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN QUYỂN 21

Y dĩ. Ngược lại âm ư hy. Theo chữ y dĩ gọi là cái chặn mền đắp, cũng gọi là y điều của các vị tu sĩ đắp mặc.

Thực dĩ. lại viết chữ thực này cũng đồng. Ngược lại âm tù chí. Gọi là bày thiết thức ăn ra cung cấp cho người ăn vậy chữ thực cũng gọi là phạn.

Si lệ. Ngược lại âm sung thi. Theo văn nói nghĩa là mờ mờ tối vì ghen ở mắt quá nhiều mong ngược lại âm mạc kiết. Trong văn luận lại viết chữ kỳ chưa rõ chữ này xuất hiện ở sách nào vậy.

Kiết ninh. Ngược lại âm nãi lịnh. Tỳ Thương, giương mắt vành tai nghe vì bị sĩ nhục vậy.

Dũ đa. Ngược lại âm dực chu. Quảng Nhã cho rằng: Du là tăng thêm, giàu có Tiểu Nhã cho rằng: Càng tăng thêm sức mạnh càng tăng thêm tuổi thọ.

Nhuyễn động. Ngược lại âm như cổn như doãn hai âm. Theo văn nói có nghĩa là loài động vật lúc nhút, nhỏ nhút. Hoài Nam Tử cho rằng loài côn trùng lút nhút.

Quật khởi. Ngược lại âm ngư khuất. Tỳ Thương cho rằng: Năm đứng vững. Theo sách sử ký cho rằng: Đột nhiên nổi cao lên thành một khối đứng riêng một mình, ngồi riêng một mình.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN QUYỂN 22

Cốt cán thể chữ viết là cang cũng đồng ngược lại âm ca thư. Chữ cán nghĩa là trợ giúp; cũng gọi là thân thể, cũng nghĩa bộ xương vậy.

Thị chiêm chiêm. Ngược lại âm chi diêm. Tiếng địa phương gọi là chiêm thị nghĩa là xem xét dòm ngó, cũng gọi là bói quẻ, xem quẻ, cũng có nghĩa chờ đợi, thời gian. Phàm cùng nhau chờ đợi gọi là chiêm cũng có nghĩa ngẩng lên mà nhìn.

- **QUYỂN 23:** (Không có từ âm nghĩa.)

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN QUYỂN 24

Từ quyết. Ngược lại âm cổ huyệt. Văn thông dụng gọi là người sắp chết nói lời từ biệt gọi là quyết. Chữ lược gọi là lời nói chia tay với người sắp chết, cũng có là dứt tuyệt, là hết vậy.

Kỳ thỉnh. Ngược lại âm cự y. Quảng Nhã gọi là kỳ cầu mong, cầu xin. Văn Tiểu Nhã cho rằng: Kỳ là báo cáo cho biết cũng nghĩa là kêu gọi. Quách Phác gọi kỳ là cúng tế, người kêu gọi mời đến chứng minh sự việc. Tôn Đạm gọi là kỳ nghĩa là người dân cầu phước, từ là kêu gọi mời thỉnh đến vậy.

Hãn cách văn cổ lại viết bốn chữ tượng đều đồng âm. Nay lại viết chữ hãn này. Ngược lại âm hồ thư. Chữ hãn nghĩa là chống đỡ, bảo vệ. Chữ cách văn cổ lại viết cách cũng đồng. Ngược lại âm cổ ngạch. Chữ cách nghĩa là chống giữ ngoài quan ải, chống cự. Theo văn nói nghĩa là đánh lại vậy.

(tiếp theo T.613) Trí Giám. Chữ trong sách viết cũng đồng ngược lại âm cổ sàm. Quảng Nhã cho rằng: Chữ giám nghĩa là chiếu soi; cũng có nghĩa là cái gương soi mặt; cũng có nghĩa tra xét cặn kẽ, xem xét kỹ rõ ràng, hình trạng vậy.

Khô Phức. Ngược lại âm khẩu cô. Thương Hiệt giải thích rằng: Chữ khô nghĩa là phanh ra, khoét ra, mổ xẻ ra. Tiếng địa phương cho rằng: Quyên lực, uy thế, có sức mạnh. Theo văn nói, chữ khô nghĩa là chia cắt ra. Trong sách Chu dịch cho rằng: Chẻ cây, chẻ gỗ đóng

thuyền. Theo chữ khô nghĩa bụng của người trống rỗng.

Khôi Tẩn. Ngược lại âm tự tấn tần dẫn hai âm. Theo văn nói gọi là đốt hết gỗ dư là vậy.

Tiêm chỉ Văn cổ viết tiêm chữ trong sách viết tiêm cũng đồng. Ngược lại âm tự liêm. Theo văn nói nghĩa là lay đẹp; tiêm cũng là nhỏ bén nhọn. Tiếng địa phương cho rằng tiêm là nhỏ bé vi tế mịn màng. Giữa Lương Ích cho rằng: Phàm vật gì nhỏ gọi là tiêm vậy.

Tường nhiên. Ngược lại âm sở đạo. Tỳ Thương cho rằng: Sợ hãi, kinh sợ. Văn thông dụng cho rằng: Đứa trẻ sợ hãi gọi là tường. Công Dương truyện cho rằng: Tường nhiên nghĩa là sợ, thất sái, sợ hãi là vậy. Văn luận lại viết tường cận. Ngược lại âm tự nhĩ. Lại viết tường sơ chữ tường chẳng phải nghĩa đây dùng vậy.

Gian trừ Văn cổ viết trừ cũng đồng. Ngược lại âm trừ lý. Nghĩa là độc lập, đứng riêng. Quảng Nhã cho rằng: tự nghĩa là dừng lại, ngừng nghỉ. Theo văn nói nghĩa là do dự, chần chừ, không quyết định; cũng gọi là ngẫm ngừng không muốn tiến lên phía trước. Chữ trừ (T614) ngược lại âm trực như.

Nghê tình Văn cổ viết: tình tình hai chữ tượng hình cũng đồng. Ngược lại âm tịch doanh. Trong sách Hán Thư cho rằng: Bầu trời trong, sau cơn mưa bầu trời không có mây, quang đãng mát mẻ dễ chịu, lại thấy những ánh sao lấp lánh. Mạnh Khang gọi là bầu trời trong mát sáng rõ.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN QUYỂN 25

Phong ác. Ngược lại âm. Trong Kinh Thi gọi là nhuộm hơi một chút tím đỏ. Trong Mao Thi truyện gọi là đã được ưu đãi, đã hưởng nhiều ân trạch.

Lũ bộ. Ngược lại âm lực chủ. Văn thông dụng gọi là cong lưng, lưng gù. Quảng Nhã cho rằng: Bẻ cong lại.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN QUYỂN 26

Những tửu. Ngược lại âm nữ hận. Tam Thương gọi là lấy gạo, nếp ủ men, ủ rượu gọi là những nghĩa là ủ cho lên men làm rượu. Theo văn nói gọi là cất rượu, ủ rượu, làm ra rượu gọi là những vậy.

Đào sa. Ngược lại âm đồ đao. Theo chữ đào nghĩa là loại bỏ, trừ bỏ đào thải ra. Trong văn luận lại viết thải ngược lại âm đồ thái. Văn thông dụng gọi là vo gạo gọi là đào sa.

Lô quán. Ngược lại âm. Văn Tiểu Nhĩ Nhã cho rằng: Lô là nhà trọ, nghĩa là tạm nghỉ ngơi; cũng gọi là nhà riêng biệt. Hoàng đế ngày xưa, dùng nhà này để tránh lạnh, nóng, mùa xuân, thu thì đi, mùa đông, hè thì ở, cho nên gọi là tạm nghỉ nhờ vậy.

Giải thích tên gọi là ký là nhà tạm nghỉ, chữ lô là nhà thô sơ dùng cho khách qua đường tạm nghỉ ngơi che nắng mưa. Chữ quán, ngược lại âm cổ ngoạn nghĩa là nhà khách. Trong sách Chu Lễ gọi là năm mươi dặm có một cái quán, dùng để làm nơi triều đình tiếp đãi tân khách, những thí sinh lên kinh dự thi hoặc những anh hùng hào kiệt. Thế chữ viết từ bộ thực, thanh quan.

Điều đầu. Ngược lại âm. Quảng Nhã cho rằng: Khinh khi, bỡn cợt, chọc ghẹo, cũng có nghĩa là mua sắm đồ đạc, dời đi, do chuyển cũng có nghĩa điệu nhạc lú lo, tiếng chim hót riu rít.

Lãng dịch. Ngược lại âm lực thăng, nghĩa là dùng bạo lực, xâm phạm, làm nhục. Thương Hiệt giải thích rằng: Lãng là xâm phạm, mạo phạm, làm hại. Chữ dịch lại viết dịch ngược lại âm dĩ cổ. Thương Hiệt giải thích rằng: Nghĩa là khinh mạn, vô lễ, ngạo mạn, cũng có nghĩa thông thả, lơ là, chểnh mảng. Theo văn nói: Dịch nghĩa là khinh thường; Nay lại viết là dịch này, văn thường hay dùng vậy.

- QUYỂN 27: (Không có từ âm nghĩa.)

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN QUYỂN 28

Hấp phong văn cổ viết ẩm dịch hai chữ tượng hình. Nay viết hấp cũng đồng nghĩa, ngược lại âm cập. Quảng Nhã giải thích rằng: Hấp

nghĩa là uống vào, hít vào. Theo văn nói: Có nghĩa là hít thở vào; nghĩa là hít thở không khí vào; cũng gọi là dẫn vào, đưa vào vậy.

Bình ngũ. Lại viết bình uy. Ngược lại âm ngũ nhĩ; âm dưới là ngô lỗ. Theo sách Chu Lễ gọi là năm người sắp lên gọi ngũ, đội ngũ. Trịnh Huyền gọi là ngũ là số đông người. Trong văn luận lại viết ngược lại âm. Nghĩa là nghịch lại vậy. Chữ ngũ này chẳng phải nghĩa trong kinh vậy.

Kiến khát văn cổ viết hước kiến hai chữ tượng hình. Nay lại viết theo Thanh Loại lại viết nghĩa là nói thẳng lại viết cũng đồng ngược lại âm ngô triển. Tiếng địa phương gọi chữ kiến là người khác xin ăn. Sơ Nhân Chú Giải trong Kinh Thi và sách Chu dịch rằng: Kiến là người khónói, ngọng ngịu, nói lắp bắp. Trong văn luận viết kiến bá nghĩa là người bị què chân, thọt chân. Chữ kiến này chẳng phải nghĩa đây dùng, chữ khát văn cổ lại viết khát cũng đồng. Ngược lại âm cư ngật nghĩa là nói nặng hơi; lập đi lập lại, văn thông dụng nghĩa là nói không thông lợi gọi là san khát, tức là nói ngọng, nói cà lăm.

Thâm tuấn văn cổ viết hai chữ tượng hình. Nay viết căng cũng đồng. Ngược lại âm tư nhậm. Tuấn thâm nghĩa là sông sâu.

Kiên trước. Ngược lại âm bạc lược. Chữ kiên tức là bền chắc, cũng có nghĩa là nghĩ đến lo đến.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN QUYỂN 29

Tích uất. Ngược lại âm Tỳ xích. Theo văn nói nghĩa là cái áo bị một ăn, gián cắn. Quảng Nhã gọi là xếp lại. Chữ đố ngược lại âm khuu nguyệt.

Lương bình. Ngược lại âm, gọi là bắt chước làm theo các vua nối theo, chữ bình ngược lại âm bì binh. Tỳ Thương giải thích rằng: Bình nghĩa là cây dương, cũng nghĩa bàn cờ; cũng gọi là ngồi một mình trên giường. Giải thích trên gọi là là bình nghĩa bằng, nghĩa là lấy miếng ván phẳng làm bàn cờ. Thể chữ viết từ bộ là chữ đúng.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN
QUYỂN 30

Đại tích vẫn cổ lại viết tích tích hai chữ tượng hình, cũng đồng. Ngược lại âm tỳ xích. Chữ Lâm Tích nghĩa là ban pháp lệnh; tức là tội tử hình. Theo Hàn Thi truyện: Hoặc gọi là bốn bên vách tường vuông; tích cũng có nghĩa là trừ khử đi. Chữ viết từ bộ thi khẩu tân; nghĩa là người dùng miệng chế ra pháp lệnh buộc tội, dùng pháp luật mà hình phạt. Trong văn luận viết: tà tích chữ này chẳng phải nghĩa đây dùng vậy.

Phúc lợi. Ngược lại âm. Trong Kinh Thi gọi là thọ hưởng phước trời ban cho. Trịnh Tiến gọi là phước đức. Sách Nhĩ Nhã gọi là phước dày.

Qua chi. Ngược lại âm cổ hồ. Theo chữ qua cũng giống chữ chi, nghĩa là cành cây mọc từ gốc; cũng chưa rõ chữ này nghĩa như thế nào.

Lôi đình. Ngược lại âm đạt đỉnh, đạt đỉnh hai âm. Theo sách Chu dịch gọi là tiếng trống, nghĩa là lấy tiếng sấm sét làm tiếng trống. Lưu Hoàn gọi là sấm sét điện chớp, cũng là địa chấn, nghĩa là chấn động; làm nổ tung ra, làm điện chớp. Theo sách Nhĩ Nhã cho rằng: Tiếng nổ, tiếng sấm nhanh; cũng gọi là đình cũng là sấm sét, cũng có nghĩa là cầu vồng. Quách khác gọi là, tiếng sấm bắn tung tóe ra lửa rồi mau chóng hết dứt vậy. Thương Hiệt giải thích tiếng sấm sét thành linh. Công Dương truyện gọi là có tiếng sấm sét đánh miếu của ông Di Bá là vậy.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN
QUYỂN 31

Thiệu trụ. Ngược lại âm trị hựu. Theo chữ Lâm trụ dẫn nghĩa là con cháu nối dõi, cũng có nghĩa là kế tự; cũng gọi là thừa kế sự nghiệp của người đã qua đời.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN QUYỂN 32

Sâm bội. Ngược lại âm thố trâm. Quảng Nhã cho rằng: Chữ sâm là viết thay cho chữ tam. Tiếng địa phương cho rằng: Sâm là phân tách ra, chia ra, cho bằng, cho đều gọi là. Quách Phác cho rằng nghĩa là Phân cắt ra. Chữ bội. Ngược lại âm bổ nãi. Quảng Nhã cho rằng: Bội là phân nửa, nghĩa là một sinh ra gấp đôi gọi là bội vậy.

Sấm ký. Ngược lại âm sở âm. Tam Thương cho rằng: Chữ sấm nghĩa là quyển sách bí mật; nghĩa là lời ghi chép ra ở sông Hà Lạc, dự đoán có hiệu nghiệm nghĩa là đời dự đoán có hiệu nghiệm sau này vậy.

Châu ky. Ngược lại âm cư triết cự khí hai âm. Theo văn nói: Nghĩa là hạt châu ngọc không được tròn, hạt ngọc châu méo. Theo chữ châu nghĩa là hạt ngọc trai nhỏ.

Đỉnh quang. Ngược lại âm đại kinh. Chữ đỉnh là đồ dùng đựng thức ăn cúng lễ. Theo Thanh Loại có nghĩa là không có chân gọi là đấng; có chân gọi là đỉnh; cũng gọi là mâm đèn nhanh cúng Phật vậy.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN QUYỂN 33

Lễ hưởng. Ngược lại âm vu cuồng. Theo sách Nhĩ Sơ cho rằng: Hưởng là lấy tài vật ban tặng cho người. Quách Phác gọi là ban tặng cho nhau tài vật vậy.

Ủy lan. Ngược lại âm ư nguy. Theo Thanh Loại gọi là cây cỏ bị héo úa. Quảng Nhã cho rằng: Loại cỏ mao héo úa tàn khô.

Nhiếp phục văn cổ viết hoặc viết hai chữ tượng hình, ngược lại âm. Theo chữ nhiếp nghĩa là sợ kính phục. Trong sách Lễ Ký cho rằng: Người có chí khí thì không sợ hãi. Trịnh Huyền gọi là nhiếp là quá khiếp sợ. Lại gọi là tham tàn bạo ác mà còn biết lễ nghĩa tốt thì ý không sợ. Trịnh Huyền gọi là chữ nhiếp cũng giống như chữ khiếp nghĩa là khiếp sợ, kính sợ, mê hoặc, mê muội vậy.

Trung cự theo chữ viết đúng là Túng cụ hai chữ tượng hình. Ngược lại âm tử khách kỳ câu hai âm. Quảng Nhã gọi chữ Túng cụ là đá mài dao. Văn thông dụng lại cho rằng: Đá nhỏ gọi là túng cụ hoại đá người

ta dùng để mài ngọc, người thợ dùng làm để luyện kim thì bị trở ngại. Hoài Nam Tử gọi là Đồ dùng tiếp đãi khách ngoài ngưỡng là vậy.

Hàm lỗ. Ngược lại âm hồ giam. Theo văn nói chữ lỗ ở phương Tây gọi là đất mặn; cũng nghĩa là thiên nhiên sanh ra gọi là lỗ tức là mặn; con người sanh ra, là, ra gọi là diêm; tức là muối; mà chữ diêm người khác phương Đông gọi là Lỗ cũng giống như người phương Tây gọi là đất mặn. Giải thích tên gọi là đất không sinh ra vật gọi là lỗ nghĩa là mặn.

Câu thành văn cổ viết phan thành hai chữ tượng hình. Nay viết điệp cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm thị lãng. Theo văn nói gọi là thành tức là ruộng, là thửa ruộng. Theo sách sử ký gọi là lớn gọi đề nghĩa là giới hạn, bờ đê. Còn nhỏ gọi là thành. Quảng Nhã cho rằng, bờ đê bao quanh thửa ruộng. Thương Hiệt giải thích rằng: Thành là bờ ruộng. Trong văn luận viết thẳng; là chẳng phải thể nghĩa chữ đây dùng vậy.

Viên tường. Ngược lại âm can phiên viên gọi là chu vi bốn bên vách tường. Giải thích tên gọi là viên, nghĩa là viên người dựa theo bị ngăn trở, cho rằng viên là bổ xung vào chỗ thiếu hụt. Tường nghĩa là vách tường bị chướng ngại ngăn trở vách tường cho nên tự mình bị chướng ngại che khuất bởi vách tường, tức là người bị ở trong tù giam hãm lại vậy.

- **QUYỂN 34:** (Không có từ âm nghĩa.)

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN
QUYỂN 35

Ẩn tu chữ đúng là viết chữ dữ cũng đồng. Ngược lại âm ư cận. Theo văn nói nghĩa là có chỗ các pháp; có chỗ nương nhờ vậy.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN
QUYỂN 36

Cổ thạch. Ngược lại âm cổ hộ. Theo văn nói. Cổ nghĩa là hàn cổ rò rỉ, cũng có nghĩa là lấp bít lỗ hỏng vậy.

Chứng nhiều âm chung; thuộc thượng thanh. Theo văn nói chữ chứng gọi là đưa lên cứu trợ; người bị chìm đắm trong nước, chìm trong nước.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN
QUYỂN 37

Huy nhiệt lại viết chữ my này cũng đồng. Ngược lại âm ư vi. Nghĩa là huỳnh bình, bình không đi nổi. Theo sách lễ ký gọi là bệnh của người triết nhân, học thức quá nhiều sanh ra cuồng trí. Trịnh Huyền gọi là bệnh liệt, gân thịt mềm không cử động được.

Sở quyển Tam Thương giải thích, văn cổ viết vục cũng đồng. Ngược lại âm cổ huyền. Gọi là lấy dây bắt con thú. Trong văn nói viết chữ huyển, nghĩa là khoe khoang. Ngược lại âm cổ huyền, có nghĩa là người hành nghề buôn, người lái buôn; nay chẳng phải nghĩa đây dùng vậy.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN
QUYỂN 38

Hình triệu. Ngược lại âm trừ kiều. Theo sách Quốc Ngữ chú giải rằng: Triệu nghĩa là thấy, nhìn thấy hình trạng. Theo chữ triệu đó giống như chữ cơ nghĩa là kín đáo quan trọng; nghĩa là người nhìn thấy biết trước sự việc vậy.

Phân giải. Ngược lại âm phò vấn hồ mại. Nghĩa là phân gọi là phân biệt; giải gọi là gỡ gỡ tiếp giải ở trong vậy.

Tác mô lại viết chữ mô này cũng đồng. Ngược lại âm mạc-nô. Chữ mô nghĩa là biểu thị qui cách, cũng có nghĩa là mô phỏng bắt chước; cũng có nghĩa là lấy tay sờ mó con voi vậy.

Tự quý văn cổ viết quý này cũng đồng. Ngược lại âm hồ đối. Theo văn nói chữ quý nghĩa là thắm nước, rỉ dột. Thương Hiệt giải thích rằng: Quý là ngâm vào nước. Ngược lại âm bàn quyết.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN
QUYỂN 39

Tý kỳ. Ngược lại âm phương lợi. Tiếng địa phương gọi là tí tức là gọi nhờ. Văn thông dụng gọi là tự mình che đậy gọi là tý. Văn Nhĩ Nhã cho rằng: Chữ tí là âm hư, tức là nghỉ ngơi. Tôn Đạm gọi là tí tức là che đậy, che chở, cho nước giúp đỡ cho dân vậy.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN
QUYỂN 40

Đạo mao. Ngược lại âm vong bao. Theo văn nói mao tức là cỏ may. Trong văn kinh viết can giá. Ngược lại âm. Nghĩa là cây mía, văn thông dụng gọi là ở xứ Tây Vực chỗ xuất phát ở Bồ Đào Nha gọi là can giá, tức là cây mía vậy.

Phúc tộ. Ngược lại âm tổ cố. Trong sách Quốc Ngữ gọi là chỗ thiên địa ban phước lành. Cổ Quý cho rằng: Phúc lộc cũng có nghĩa là địa vị, ngôi vị, báo đáp.

Thích vi. Ngược lại âm tha địch. Theo chữ thích cũng đồng với chữ thích này nghĩa là bởi móc tìm lỗi. Chữ Thích cũng có nghĩa là trị, trừng trị, cũng có nghĩa trừ bỏ đi là vậy.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN
QUYỂN 41

Điểm trung. Ngược lại âm đô đàm. Theo văn nói nghĩa giống như tỳ vết trên ngọc vậy.

Mộc tiết lại viết tiết này cũng đồng ngược lại âm tiên kiết. Theo văn nói, gọi là hai cột trụ trông hai bên cổng ở các nha phủ ngày xưa làm mốc giới hạn ra vào, cũng gọi là sấm ngược lại âm tử lâm. Nay ở Gian Nam gọi là sấm nghĩa là cái băng ở trong cổng. Trung Quốc gọi là lời mở đầu của cuốn tiểu thuyết, hay cũng gọi là lần, hồi, khóa. Văn thông dụng gọi là giới cũng nghĩa là lần, hồi, khóa. Âm giới ngược lại là âm trắc hợp.

Tô mã. Ngược lại âm nợ hồ. Quảng Nhã gọi là con ngựa kém, ngựa tồi, cũng chỉ cho con người tài hèn sức mỏng. Bá lạc gọi là đầu to mỏ ngắn chỉ là một người làm nô bộc; chân đi thông mở ra, hai mắt sâu mờ ảo cũng chỉ là nô bộc; miệng nhỏ mà ngắn tam thương cũng gọi là làm nô bộc; Lại nữa trong sách lễ ký gọi là, người bị hung niên nghĩa không mai mãn, chỉ chờ đợi con ngựa hèn là vậy. Chữ đài âm đài. Ngược lại âm đồ cãi.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN
QUYỂN 42

Bào thai. Ngược lại âm bổ giao. Chữ bào nghĩa là màng bao chứa con ở trong, sanh ra. Trong Hán Thư gọi là đồng bào. Ngược lại âm chi đồ như hâu. Gọi là đồng bào tức là anh em ruột thịt, thân thích.

Xà thủy văn cổ viết hủy quỷ hai chữ tượng hình cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm can quĩ. Nghĩa là loại côn trùng có nọc độc. Trong kinh Sơn Hải gọi là loại côn trùng này không có cánh phần nhiều sống ở trên núi, lẩn lóc đi bằng bụng. Quách Phác gọi là màu sắc xanh lục, trên mũi có cây kim lớn dài hơn trăm thước. Giải thích tên gọi là trên mũi. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Loại côn trùng này thân nó rất dài. Xá nhân giải thích trong sách Hoài Nam Tử rằng: Người Giang Nam gọi là con rắn hổ, người Giang Bắc cũng theo sách Hoài Nam Tử gọi là con rắn. Trang Tử gọi là con rắn tức chữ hủy. Ngược lại âm đẹp. Đây chẳng phải gọi là côn trùng tức là con rắn thân hai miệng. Tranh ăn cùng nhau, ăn thịt lẫn nhau, giết hại lẫn nhau. Nhĩ Nhã gọi là con rắn, mà hình trạng của nó cũng như con rắn độc nên gọi là rắn độc: Cái đuôi của nó cũng giống cái đầu, cái đầu của nó giống như cái đuôi. Con hộ báo có thể giẫm đạp lên. Đây khó quên vì nó có thể cắn xuyên qua đôi giày.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN
QUYỂN 43

Tần mẫu. Ngược lại âm tỳ tận tỳ tử hai âm. Theo văn nói súc vật nuôi trong nhà giống cái gọi là thư chữ mẫu. Ngược lại mạc tấu. Theo

văn nói súc vật nuôi trong nhà giống đực gọi là hùng. Trong Mao Thi truyện gọi là con ngựa đang thời khỏe mạnh là con ngựa cái. Theo Mao Thi truyện cho rằng: Biết bay gọi là hùng thư, biết chạy gọi là tấn mẩu. Thậm chí như con chim trĩ nó hót, loài cái thì gọi là phi điều là chim bay; cũng loài mái biết bay mà còn biết chạy nữa.

- QUYỂN 44, 45, 46, 47, 48, 49, 50, 51, 52. : Đều không có từ khó để âm nghĩa.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN QUYỂN 53

Tuyền sư. Chữ khó viết là Hoàn cang. Ngược lại âm cang quyên. Gọi là lấy sợi dây buộc vào cây trục cho lăn làm dụng cụ quạt nước lên ruộng gọi là tuyền. Trong kinh văn viết toàn, chẳng phải thể chữ đây dùng vậy.

Đạm ẩm. Ngược lại âm hai âm. Gọi là bộ phận trên ngực tiết ra chấp dịch. Văn luận lại viết âm; nghĩa là tối, ẩm ướt.

Phương sanh. Ngược lại âm. Quảng Nhã cho rằng: Chất mỡ. Văn thông dụng gọi là ở eo lưng gọi là phương mỡ bụng ở dạ dày gọi là san mỡ trong dạ dày.

Thanh ứ. Ngược lại âm ư dự. Theo văn nói nghĩa máu huyết tích tụ lại bị ứ lại. Quảng Nhã cho rằng: Bình ứ máu.

Toài toại. Lại viết truy cũng đồng. Ngược lại âm tân túy. Nơi giữ lửa gọi là người lấy lửa. Theo sách luận ngữ gọi là dụng cụ lấy lửa thời xưa. Theo sách Khổng An Quốc gọi là trong một năm, người ta lấy gỗ chà xát để lấy lửa, người đời vốn muốn tạo ra lửa phải lấy của người ta làm bằng cách chà xát cho nóng bắn lửa ra nhân đây nên cho rằng có tên vậy.

Tần dịch. Ngược lại âm di thạch. Trong sách Luận Ngữ gọi là dịch tức là kéo sợi tơ, nghĩa tìm mua con ngựa quý mà hòa lẫn vào trong đám người lái buôn, gọi là tìm người mai mối gọi là quý hiếm. Tiếng địa phương gọi là mối liên lạc không dứt, cũng là ở trong. Tam Thương gọi là kéo sợi tơ ra; cũng có nghĩa là giải bày vậy.

Yêu dã. Ngược lại âm dư giả. Nói cho rõ ràng là trang sức cho đẹp đẽ, chải chuốt, đẹp đẽ lộng lẫy, dương dương tự đắc.

Xỉ tự. Đây là mượn âm ngược lại âm đô nga. Dựa theo chữ văn nói. Ngược lại đãi khả. Có nghĩa mở miệng ra há miệng ra. Chữ lâm. Ngược lại âm hai âm.

Sắc tự. Ngược lại âm đại hà đồ khả hai âm. Dựa theo chữ văn nói gọi là kéo binh; kéo đi. Quảng Nhã gọi là dẫn ra, dẫn đi vậy.

Sai tự. Ngược lại âm. Dựa theo chữ văn thông dụng cho rằng rượu trắng gọi là sai vậy.

Thấp ma. Ngược lại âm mạc khả. Người nước Tần nói đây là chữ cổ, dựa theo chữ văn thông dụng cho rằng nhỏ bé gọi là ma. Chữ trong sách ma cũng có nghĩa nhỏ. Trong văn luận lại viết tiểu, chữ này giống như văn thông dụng thường hay dùng vậy.

- **QUYỂN 54:** Không có từ âm nghĩa.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN
QUYỂN 55

Chẩn bệnh. Chữ lâm ngược lại âm trừ nhẩn. Chữ chẩn nghĩa xem. Theo Thanh Loại cho rằng chẩn nghĩa là kiểm nghiệm; gọi là xem mạch chẩn đoán bệnh vậy.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN
QUYỂN 56

Giảo đầu. Văn cổ lại viết kiều cũng đồng. Ngược lại âm cổ bào. Trong kinh Thi cho rằng: Giảo nghĩa là người con gái hay nô đùa bốn cột. Theo chữ giảo cũng giống như chữ yêu mị, không thật; gọi là gắng sức theo đuổi ảo ảnh. Không thật.

- **QUYỂN 57, 58:** Không có từ âm nghĩa.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN
QUYỂN 59

Bệ lệ. Ngược lại âm bổ vi lại kế. Đây dịch là loài quỉ đỏi. Dựa theo chữ bệ lệ có nghĩa là cỏ thơm, hình trạng của nó giống như cây hẹ, thường mọc ở khe đá trên núi vầy.

Tiền địch. Ngược lại âm đô địch. Theo văn nói nghĩa là mũi tên nhọn. Theo sách Lễ Ký cho rằng đầu nhọn của mũi tên; hoặc là viết hầu tuyên địch, cũng có nghĩa mũi tên. Giải thích tên gọi là mũi tên bắn địch; cũng có thể chống lại địch, ngăn lại, đều gọi là mũi tên. Nếu chữ đều có ý nghĩa mũi tên, bên trong đều viết có nghĩa là tiêu diệt.

Thâm tiểu. nay lại viết hoặc viết đều đồng. Ngược lại âm thư trám. Quảng Nhã cho rằng: Nóng nảy, vội vàng. Văn thông dụng gọi là dốc núi cao gọi là tiểu; cũng có nghĩa là núi rất cao dốc núi rất hiểm trở; cũng gọi là tiểu.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN
QUYỂN 60

Uẩn tâm. Ngược lại âm ư vấn. Quảng Nhã cho rằng: Uẩn là tức giận. Thương Hiệt giải thích rằng: là hận. Theo văn nói có nghĩa tức giận dữ dội.

QUYỂN 61: Trước không có âm nghĩa giải thích.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN
QUYỂN 62

Cổ đạo. Ngược lại âm công hộ. Trong sách Chu Lễ cho rằng: Người dân thường muốn trừ bỏ con côn trùng độc; chất độc. Trịnh Huyền cho rằng loài côn trùng có chất độc gây bệnh hại người, vật. Nghĩa là ý nghĩa của chữ là trong máu có chất độc; do loài côn trùng gây ra.

Khiển trách ngược lại khứ chiến Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng: Là quở trách. Quảng Nhã cho rằng: Khiển là tức giận. Theo văn

nói chữ khiến tra vấn thẩm xét cũng là quở trách, trách phạt. Trong văn luận lại viết cật trách nghĩa là hỏi và trách mắng. Quảng Nhã cũng cho rằng: Hỏi và trách mắng.

Mông cổ. Ngược lại âm vong đặng. Quách Phác chú giải trong kinh Sơn Hải rằng: Chữ mông nghĩa là mờ mịt, mờ tối. Trong sách Chu Lễ Trịnh Huyền cho rằng: Mông là không có ánh sáng. Trong văn kinh có viết manh cổ. Ngược lại âm. Trịnh Chúng chú giải trong sách Chu Lễ rằng: Không có con mắt, gọi là mù vậy.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN
QUYỂN 63

Cấp tuất. Lại viết tuất cũng đồng. Ngược lại âm tư luật. Chữ Chấn tuất nghĩa là giúp đỡ, gọi là lấy tiền của giúp đỡ cho người. Nhĩ Nhã cho rằng: Tuất nghĩa là thương xót, lo âu, lo nghĩ. Tôn Đạm gọi là Tuất nghĩa cứu giúp, cũng có nghĩa là lo buồn. Theo văn nói nghĩa là coi sóc, nuôi dưỡng.

- **QUYỂN 64, 65, 66.** Không có từ âm nghĩa.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN
QUYỂN 67

Nhân hạt. Chữ đúng là viết hạt cũng đồng. Ngược lại âm hỏa hạt. Chữ trong sách nghĩa là hợp một con mắt, nghĩa là chột hết một con mắt.

Thủ huy. Nay viết huy cũng đồng nghĩa. Ngược lại âm vu bì. Nghĩa là đưa tay lên gọi là huy nghĩa là dùng ngón tay chỉ; theo nghĩa gọi là lấy cờ ra dựng cờ làm hiệu lệnh chỉ huy đại chúng. Nhân đây mà gọi tên vậy thôi.

- **QUYỂN 68, 69, 70, 71:** Không có từ âm nghĩa.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN QUYỂN 72

Yển kiến. Ngược lại âm cự yển cư miễn hai âm. Quảng Nhã cho rằng: Yển kiến nghĩa là kiêu ngạo, gọi là tự cao tự đại. Giải thích tên gọi là yển nghĩa là ngưng nghỉ, chấm dứt; cũng có nghĩa là ngã ngựa nghĩa là nằm ngã ngựa; chữ kiến nghĩa là thọt chân, què chân, bịnh không có thể làm việc được. Nay phó thác giống như nghĩa đây vậy.

Ngạo mạn. Ngược lại âm ngu đảo. Quảng Nhã cho rằng: Ngạo mạn, kêu ngạo, gọi là không kính, không cung kính. Chữ trong sách căn cứ vào chữ ngạo nghĩa là xem thường, gọi là xem nhẹ; Thể chữ viết từ bộ nhân thanh ao.

Bổ dương. Ngược lại âm phát vũ. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Chữ bổ nghĩa là ta vậy cũng nghĩa là bắt đầu mà cũng là kết thúc vậy.

Qui tắc. Ngược lại âm cự quý. Quĩ nghĩa là đánh giá đúng, phán xét, phán đoán. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: chữ quĩ nghĩa là quĩ tịch là chức tế tướng ngày xưa. Tôn Đạm gọi là quĩ là thương lượng; cũng có nghĩa là pháp tắc.

- QUYỂN 73, 74, 75, 76: Không có từ âm nghĩa.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN QUYỂN 77

Tường tự. Ngược lại âm từ dương, chữ dưới là văn cổ viết tự cũng đồng ngược lại âm từ cử. Nghĩa là trường học ngày xưa vậy; gọi là dung nghi có pháp độ nghĩa là người học trò ngày xưa có dung nghi lễ phép. Theo sách Chu Lễ gọi là. Trường học mùa nghỉ hè gọi là tự. Bạch Hổ Thông gọi là Tường là trường học thiết lập ở làng ngày xưa; cũng nói cho rõ là, lấy chỗ lễ nghi rõ ràng, trật tự phép tắc từ lớn đến nhỏ vậy.

Cơ hội. Ngược lại âm cự y. Theo văn nói cơ nghĩa là chủ động phát ra; cũng có nghĩa là thấy trước sự việc. Trong sách Chu dịch gọi là cơ cấu tức là chỉ những bộ phận phát ra, bộ phận kết nối lại với nhau để tạo thành sự vật phát động; cũngnl là phát ra làm chủ sự vinh nhục. Trang Tử gọi là khắc gỗ làm bố máy tăng giảm. Con người ắt cũng có bộ máy trong lòng là vậy. Chữ hội là văn cổ viết hội này cũng đồng. Ngược lại

âm hồ ngoại. Sách Nhĩ Nhã cho rằng: Hội là phán đoán Quách Phác gọi là cùng nhau bàn luận phán đoán cũng có nghĩa là tụ hợp, tụ tập số đông người vậy.

Cổ lược âm trên là lực cổ ngược lại âm ươi là lực thượng. Chữ cổ nghĩa là đi săn bắt được; cũng có nghĩa là hợp lại chiến đấu đánh chiếm, cũng có nghĩa là tù binh bắt được; Lược cũng có nghĩa là cướp bóc, cướp lấy tài vật của người, cũng có nghĩa, đoạt lấy vật của người vậy.

Nhĩ thực. Ngược lại âm như chí. Thương Hiệt biên soạn giải thích rằng: Nhĩ thực, tức là ăn bánh ngọt. Theo phạm lệ vật gì ăn được đều gọi là nhĩ.

Ẩn chẩn. Ngược lại âm ư cận chi nhẩn. Nghĩa là trên da nổi lên rất nhiều vết sẹo. Nay văn thông dụng cũng gọi là thịt nổi mục sưng lên, phù lên, cũng gọi là bệnh sởi; hoặc nói bệnh phát sốt dẫn đến nguyên nhân bệnh. Theo văn nói thì bệnh cảm mạo, âm cảm ngược lại âm văn nhẩn. Trong văn luận viết ẩn chẩn này chẳng phải ý nghĩa trong kinh văn vậy.

- **QUYỂN 78, 79** : Không có từ âm nghĩa.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN QUYỂN 80

Cấp kỳ. Ngược lại âm ky lạp. Chữ cấp nghĩa là thứ bậc; gọi là bậc thêm; đếm số thứ tự tên gọi là cấp bậc lớn nhất trong gia tộc; cũng có nghĩa là chém đầu một người để dâng tặng được thăng tước quan vị cũng gọi là cấp thăng lên một cấp. Nhân đây nên có tên gọi lấy đầu của giặc để được thăng cấp vậy.

Thị cầu. Giải thích chữ cổ, văn cổ viết cầu cầu hai chữ tượng hình cũng đồng. Nay viết cứu cũng đồng ngược lại âm cư hựu. Chữ cầu nghĩa là trợ giúp vậy.

- **QUYỂN 81, 82, 83, 84, 85, 86, 87, 88, 89, 90, 91, 92.** Không có từ âm nghĩa.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN
QUYỂN 93

Ủy tha. Ngược lại âm ư nguy. Âm dưới là đồ hà. Quảng Nhã cho rằng: Ủy tha nghĩa là trắng thấp nghiêng một bên. Văn Nhĩ Nhã cho rằng ủy ủy tha tha nó đẹp một cách lạ lùng, kỳ diệu. Quách Phác gọi là nét đẹp nguy nga tráng lệ, diễm kiều thướt tha; cũng gọi là bình dị tự đắc.

Nạo sắc. Ngược lại âm nãi bào Quảng Nhã cho rằng: quấy rối, nhiễu loạn. Theo văn nói nghĩa là gây rối loạn, quấy phá.

- **QUYỂN 94:** Không có từ âm nghĩa.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN
QUYỂN 95

Vu hồi. Ngược lại âm vũ câu nhất vũ. Chữ vu nghĩa là trách, lánh đi, cũng có nghĩa xa vời viễn vông; cũng gọi là rộng lớn mênh mông.

Thạch há văn cổ viết hai chữ tượng hình hoặc viết cũng đồng. Ngược lại âm hộ giá. Theo văn nói chữ há nghĩa vết nứt trên đồ sành sứ; cũng gọi là đất khô nứt nẻ; cũng gọi là vách tường có đường nứt nhỏ vậy.

- **QUYỂN 96:** Không có từ âm nghĩa.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN
QUYỂN 97

Trù trừ lại viết trừ tri hai chữ tượng hình; cũng đồng. Ngược lại âm trường lưu trường tri hai âm. Âm dưới hoặc viết trừ cũng đồng. Ngược lại âm trường ư trường chu Quảng Nhã cho rằng trừ trừ cũng giống như chữ dự trịch; nghĩa là dùng dằng do dự không muốn tiến đến.

Tương hòa. Ngược lại âm hồ ngọ. Nghĩa là tương ứng. Trong Kinh Thi gọi là xướng lên người con trai hòa cũng với người con gái, trong sách Chu dịch gọi là chim hạt nó hót ở Tây cung; trai gái cùng

nhau múa hát hòa theo là vậy.

- **QUYỂN 98:** Không có từ âm nghĩa.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN QUYỂN 99

Hữu côn. Ngược lại âm cô bốn, cốt môn hai âm, gọi là dùng sợi dây buộc lại chuyển qua treo lên. Nay cũng gọi là đóng lại, đóng cánh cửa lại gọi là côn, chữ viết từ âm côn. Lại viết côn, ngược lại âm bổ kết. Quảng Nhã gọi là côn là chuyển di chuyển. Chữ viết âm bề thanh tỳ.

Dũ đọa. Ngược lại âm dư nhũ, văn Nhĩ Nhã cho rằng dã là lao nhọc. Quách Phác cho rằng người lao khổ nhiều nên rớt xuống nơi sâu xí; cũng gọi là lười biếng, biếng nhác; nói rằng người biếng nhác không thể tự mình vươn lên nổi, giống như một loại giầy leo, cũng như dây bầu bò dưới đất vậy. Cho nên chữ từ bộ qua. Lại có nghĩa là người làm biếng nhác ở trong nhà lâu ngày; cho nên chữ viết cũng từ bộ huyệt là cái hang. Trong văn luận lại viết chữ lãn cũng đồng nghĩa là lười biếng vậy.

Lạo thủy. Ngược lại âm lô đạo. Gọi là nổi lều bều trên mặt nước; cũng có nghĩa là úng nước, ngập úng vậy.

ĐẠI TRÍ ĐỘ LUẬN QUYỂN 100

Di trất văn cổ viết quán cũng đồng ngược lại âm đình kết, trư lật hai âm. Thời nhà Tần nói thiện tri thức là người hiểu biết. Dựa theo chữ trất nghĩa là tắt nghẽn, đầy lấp. Trong bốn kinh khác lại viết di đa la ni tử; cũng nghĩa là tiếng Phạm, chuyển ngữ qua là sai vậy.

